

Số: /BC-UBND

Cao Bằng, ngày tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO
Công tác bảo vệ môi trường năm 2024

Thực hiện quy định tại Điều 118 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Điều 63 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Công văn số 8963/BTNMT-MT ngày 20/12/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc xây dựng báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên phạm vi cả nước năm 2024. Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024 với các nội dung như sau:

I. HIỆN TRẠNG, DIỄN BIẾN CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Để đánh giá hiện trạng diễn biến chất lượng môi trường năm 2024, Tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện quan trắc chất lượng môi trường tỉnh Cao Bằng, vận hành các trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục theo Mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023-2025, định hướng năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 02/02/2023, gồm: 60 điểm môi trường không khí xung quanh, tiếng ồn, độ rung; 57 điểm môi trường nước mặt lục địa, tần suất 6 lần/năm; 15 điểm môi trường nước dưới đất, tần suất 04 lần/năm và 20 điểm môi trường đất, tần suất 02 lần/năm; theo dõi, vận hành 04 trạm quan trắc tự động, liên tục (gồm: 02 Trạm quan trắc môi trường không khí; 02 trạm quan trắc môi trường nước mặt).

1.1. Môi trường không khí

1.1.1. Diễn biến chất lượng môi trường không khí qua Mạng lưới quan trắc môi trường

Năm 2024, thực hiện 06 đợt quan trắc môi trường không khí tại 60 điểm với 360 mẫu quan trắc trên địa bàn tỉnh. Các thông số quan trắc bao gồm: Tiếng ồn (mức âm tương đương (Leq) và mức âm cực đại (Lmax); độ rung (mức gia tốc rung); khí tượng (nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, hướng gió, áp suất khí quyển); tổng bụi lơ lửng (TSP); bụi PM₁₀, SO₂; NO₂; CO; H₂S và NH₃. Qua kết quả quan trắc phân tích cho thấy: Chất lượng môi trường không khí xung quanh, tiếng ồn, độ rung còn tương đối tốt; Các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép (GHCP) của Quy chuẩn Việt Nam (QCVN), chỉ có thông số tiếng ồn vượt

GHCP tại một số điểm, tập trung ở khu vực đô thị, khu vực chợ, các nút giao thông, cụ thể:

a) Tiếng ồn:

Có giá trị dao động từ 47,8 dBA đến 73,2 dBA, trong đó 18/360 mẫu tại 12/60 điểm quan trắc vượt từ 1,001 đến 1,049 lần giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Các vị trí quan trắc có thông số vượt GHCP của QCVN tập trung tại khu vực Thành phố và các huyện (*Hoà An, Hà Quảng, Nguyên Bình, Bảo Lạc và Hạ Lang*). Chi tiết được thống kê tại Bảng sau:

TT	Điểm quan trắc	Số lần vượt	Đợt quan trắc vượt	Tiếng ồn (dBA)	QCVN 26:2010/BTNMT	Số lần vượt QCVN
I	Thành phố Cao Bằng					
1	Khu vực vòng xuyến ngã 3 gần khách sạn Băng Giang, phường Hợp Giang	02 lần	2	72,3	70	1,033
			6	71,9	70	1,027
2	Khu vực vòng xuyến ngã 4 cầu Sông Hiến và đường Võ Nguyên Giáp, phường Sông Hiến	04 lần	1	70,5	70	1,007
			3	70,4	70	1,006
			4	70,3	70	1,004
			6	70,2	70	1,003
3	Khu vực vòng xuyến ngã 5 đường tránh Quốc lộ 3 - Hồ Chí Minh - Quốc lộ 3 cũ, phường Đề Thám	01 lần	3	71,2	70	1,017
4	Khu vực vòng xuyến ngã 3 đường 3/10 - Quốc lộ 4A (gần Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng, P. Tân Giang)	02 lần	1	70,1	70	1,001
			5	72,5	70	1,036
5	Khu dân cư xóm 1, xã Chu Trinh (phía Nam khu liên hợp Gang thép Cao Bằng)	01 lần	2	73,4	70	1,049

TT	Điểm quan trắc	Số lần vượt	Đợt quan trắc vượt	Tiếng ồn (dBA)	QCVN 26:2010/ BTNMT	Số lần vượt QCVN
6	Khu vực cổng Bến xe khách liên tỉnh thành phố Cao Bằng, phường Đề Thám	02 lần	3	72,4	70	1,034
			6	71,9	70	1,027
7	Khu dân cư xóm Nam phong 1, xã Hưng Đạo (phía Bắc nhà máy gạch tuynel Nam Phong)	01 lần	6	72	70	1,029
8	Khu dân cư xóm Nam Phong 3, xã Hưng Đạo (phía Bắc nhà máy gạch tuynel Cao Bằng)	01 lần	6	70,6	70	1,009
II	Huyện Hòa An					
1	Khu dân cư xóm Nặm Loát, xã Nguyễn Huệ, huyện Hòa An (phía Đông nhà máy sản xuất Feromangan xã Nguyễn Huệ)	01 lần	1	70,6	70	1,009
III	Huyện Nguyên Bình					
1	Khu vực chợ thị trấn Nguyên Bình (giáp đường Quốc lộ 34)	01 lần	6	70,1	70	1,001
IV	Huyện Bảo Lạc					
1	Khu vực ngã 3 đường Quốc lộ 34 - Đường tránh thị trấn Bảo Lạc, thị trấn Bảo Lạc	01 lần	4	70,3	70	1,004
IV	Huyện Hạ Lang					
1	Khu vực ngã 3 đường tỉnh lộ 207 - Tỉnh lộ 214, thị trấn Thanh Nhật	01 lần	2	70,4	70	1,006
	Tóm lại	Thông số tiếng ồn vượt 18 lần tại 12 điểm quan trắc, giá trị vượt từ 1,001 đến 1,049 lần giới hạn cho phép				

- *Diễn biến tiếng ồn khu vực thành phố Cao Bằng*: Theo số liệu thì giá trị tiếng ồn tại khu vực thành phố cao hơn các huyện, có 14/45 mẫu vượt GHCP của QCVN, tại 03 vị trí quan trắc vượt GHCP 2-4 đợt trong năm. Diễn biến thông số tiếng ồn được thể hiện tại Biểu đồ 1.

- *Diễn biến thông số tiếng ồn tại 09 huyện, tỉnh Cao Bằng*: Đa số các điểm quan trắc có giá trị tiếng ồn nằm trong GHCP của QCVN, chỉ có 04 điểm quan trắc tại 04 huyện (Hoà An, Nguyên Bình, Bảo Lạc và Hạ Lang) có 01 đợt tại 1 điểm quan trắc có giá trị tiếng ồn vượt GHCP của QCVN, số lần vượt quy chuẩn từ 1,001 - 1,009 lần. Diễn biến thông số tiếng ồn được thể hiện tại Biểu đồ 2.

- *So sánh diễn biến tiếng ồn với năm 2023*: So sánh với năm 2023, số lượng điểm quan trắc và mẫu quan trắc có giá trị tiếng ồn vượt GHCP của QCVN năm 2024 tăng (năm 2023 là 14 mẫu/11 điểm quan trắc, năm 2024 là 18 mẫu/12 điểm quan trắc). Tuy nhiên, giá trị số lần vượt quy chuẩn giảm (năm 2023 là 1,001 đến 1,089 lần; năm 2024 là 1,001 đến 1,049 lần). Giá trị trung bình năm 2024 có 22 điểm có xu hướng tăng, 37 điểm có xu hướng giảm và 01 điểm có giá trị tiếng ồn tương đương với năm 2023.

b) Tổng bụi lơ lửng (TSP):

Kết quả quan trắc có 06/360 mẫu có giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp (<30), các mẫu còn lại có giá trị dao động từ $30,03 \mu\text{g}/\text{m}^3$ đến $157,88 \mu\text{g}/\text{m}^3$, giá trị trung bình tại 60 điểm quan trắc có giá trị dao động từ $<30 \mu\text{g}/\text{m}^3$ đến $119,97 \mu\text{g}/\text{m}^3$ và đều nằm trong GHCP của QCVN. So sánh với năm 2023, giá trị trung bình năm 2024 của thông số tổng bụi lơ lửng (TSP) có xu hướng giảm, 60/60 điểm quan trắc đều có giá trị trung bình nhỏ hơn năm 2023.

Bụi PM_{10} : Kết quả quan trắc có 32/360 mẫu có giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp ($<6 \mu\text{g}/\text{m}^3$), các giá trị còn lại dao động trong khoảng từ $6,03 \mu\text{g}/\text{m}^3$ đến $33,57 \mu\text{g}/\text{m}^3$, giá trị trung bình năm dao động từ $<6 \mu\text{g}/\text{m}^3$ đến $22,13 \mu\text{g}/\text{m}^3$. So sánh với năm 2023, giá trị trung bình năm 2024 của thông số bụi PM_{10} có 10 điểm quan trắc có xu hướng tăng, 50 điểm quan trắc có xu hướng giảm. Các điểm quan trắc có xu hướng tăng tại thành phố Cao Bằng và các huyện: Hoà An, Quảng Hoà, Hà Quảng, Trùng Khánh.

c) Độ rung:

Kết quả quan trắc có 11/360 mẫu có giá trị độ rung nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp ($<30 \text{ dB}$), các giá trị còn lại dao động từ $30,1 \text{ dB}$ đến $51,6 \text{ dB}$, có 02 điểm quan trắc có giá trị nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp, các điểm còn lại có giá trị dao động từ $30,57 \text{ dB}$ đến $41,02 \text{ dB}$ và đều nằm trong GHCP của QCVN. So sánh với năm 2023, giá trị trung bình năm 2024 của độ rung có xu hướng giảm, 60/60 điểm quan trắc đều có giá trị trung bình nhỏ hơn năm 2023.

d) Các thông số SO_2 , NO_2 , CO :

Giá trị các thông số đều khá thấp, nằm trong GHCP của QCVN; So sánh với năm 2023, giá trị trung bình năm 2024 của các thông số có xu hướng giảm, các điểm quan trắc đều có giá trị nhỏ hơn hoặc tương đương với năm 2023.

e) Thông số H_2S và NH_3 :

Tại 12 điểm quan trắc đều có giá trị nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp hoặc nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp và đều nằm trong GHCP của QCVN.

1.1.2. Diễn biến chất lượng môi trường không khí qua kết quả quan trắc tự động, liên tục

Tỉnh Cao Bằng đã lắp đặt, vận hành 02 trạm quan trắc tự động, liên tục môi trường không khí bao gồm: **(1) Trạm quan trắc tự động, liên tục môi trường không khí tại phường Sông Hiến** với 14 thông số: Nhiệt độ, độ ẩm, áp suất, tốc độ gió, hướng gió, lượng mưa, bức xạ mặt trời, NO - NO_2 - NO_x , SO_2 , O_3 , PM_{10} , $\text{PM}_{2.5}$; **(2) Trạm Quan trắc tự động, liên tục môi trường không khí tại phường Đề Thám** với 15 thông số: Nhiệt độ, độ ẩm, áp suất, tốc độ gió, hướng gió, lượng mưa, bức xạ mặt trời, NO - NO_2 - NO_x , SO_2 , O_3 , PM_{10} , $\text{PM}_{2.5}$, CO .

Quá trình vận hành, đã xảy ra sự cố lỗi server máy chủ ngày 17/02 đến ngày 19/02 và ảnh hưởng của bão số 3 từ ngày 04/9 đến ngày 10/9 làm cho máy chủ hoạt động không ổn định dẫn đến mất dữ liệu trong các khoảng thời gian này, ngoài ra tại các trạm còn xảy ra một số sự cố dẫn đến kết quả thu được của một số thông số không tin cậy. Từ các số liệu hợp lệ thu được cho thấy, thông số quan trắc bụi $\text{PM}_{2.5}$ và PM_{10} tại 02 trạm quan trắc chất lượng không khí tự động, liên tục phường Sông Hiến đều đảm bảo nằm trong GHCP của QCVN 05:2023/BTNMT.

- Bụi $\text{PM}_{2.5}$: Nồng độ trung bình 24 giờ của thông số bụi $\text{PM}_{2.5}$ trong năm tại trạm Sông Hiến dao động từ $0,98 \mu\text{g}/\text{m}^3$ đến $40,61 \mu\text{g}/\text{m}^3$, giá trị trung bình $14,94 \mu\text{g}/\text{m}^3$; tại Trạm Đề Thám dao động từ $1,02 \mu\text{g}/\text{m}^3$ đến $16,87 \mu\text{g}/\text{m}^3$, giá trị trung bình $4,47 \mu\text{g}/\text{m}^3$ đều nằm trong GHCP của QCVN. So sánh với năm 2023, giá trị trung bình ngày và năm 2024 của thông số bụi $\text{PM}_{2.5}$ có xu hướng giảm tại 02 Trạm quan trắc.

- Bụi PM_{10} : Nồng độ trung bình 24 giờ của bụi PM_{10} trong năm tại Trạm Sông Hiến dao động từ $1,31 \mu\text{g}/\text{m}^3$ đến $65,54 \mu\text{g}/\text{m}^3$, giá trị trung bình $31,63 \mu\text{g}/\text{m}^3$; tại Trạm Đề Thám dao động từ $2,12 \mu\text{g}/\text{m}^3$ đến $23,7 \mu\text{g}/\text{m}^3$, giá trị trung bình $7,60 \mu\text{g}/\text{m}^3$ đều nằm trong GHCP của QCVN. So sánh với năm 2023, giá trị trung bình ngày và năm 2024 của thông số bụi PM_{10} có xu hướng giảm tại 02 Trạm quan trắc.

- Chỉ số chất lượng môi trường không khí AQI_{VN} tất cả các ngày trong năm 2024 tương đối tốt.

+ Tại Trạm quan trắc tự động, liên tục phường Sông Hiến: Từ kết quả tính toán giá trị AQI theo ngày và theo giờ đối với 333/366 ngày có dữ liệu hợp lệ cho thấy: Số ngày chất lượng không khí ở mức tốt là 290/333 ngày, chiếm 87,09% và mức trung bình là 43/333 ngày, chiếm 12,91%. (Chỉ số chất lượng môi trường không khí AQI_VN trong năm 2023 và năm 2024 tại Trạm quan trắc tự động phường Sông Hiến thể hiện tại Biểu đồ 4).

+ Tại Trạm quan trắc tự động, liên tục phường Đề Thám: Từ kết quả tính toán giá trị AQI theo ngày và theo giờ đối với 348/366 ngày có dữ liệu hợp lệ cho thấy: Số ngày chất lượng không khí ở mức tốt là 348/348 chiếm 100%. Trong năm 2024 tại cả 02 trạm quan trắc đều không có ngày nào chỉ số AQI ở mức kém, xấu, rất xấu và nguy hại. So sánh với kết quả năm 2023, năm 2024 chỉ số chất lượng không khí mức tốt chiếm tỷ lệ lớn hơn ở 02 Trạm quan trắc.

(Chỉ số chất lượng môi trường không khí AQI_VN trong năm 2023 và năm 2024 tại Trạm quan trắc tự động phường Đề Thám thể hiện tại Biểu đồ 5).

Nhìn chung chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024 còn khá tốt. Ngoại trừ một số điểm có thông số tiếng ồn vượt giới hạn cho phép (GHCP) mang tính cục bộ thì các thông số quan trắc còn lại đều nằm trong GHCP của Quy chuẩn Việt Nam (QCVN). Các vị trí có giá trị thông số tiếng ồn vượt GHCP đều tập trung ở khu vực đô thị, khu vực chợ, nút giao thông.

1.2. Môi trường nước

1.2.1. Môi trường nước mặt

1.2.1.1. Diễn biến chất lượng môi trường nước theo quan trắc định kỳ

Năm 2024, đã thực hiện 06 đợt quan trắc môi trường nước mặt tại 57 điểm (gồm: 44 điểm quan trắc nước sông, suối, khe và 13 vị trí quan trắc nước hồ) với 342 mẫu quan trắc trên địa bàn 10 huyện, thành phố. Các thông số quan trắc gồm: pH, TSS, DO, COD, BOD₅, NH₄⁺, NO₃⁻, PO₄³⁻, Coliform.

a) Diễn biến chất lượng nước sông, suối, khe:

Kết quả quan trắc của 44 mẫu nước sông, suối, khe trên địa bàn tỉnh Cao Bằng qua 6 đợt quan trắc cho thấy: Có 25 mẫu nước có giá trị BOD₅, 4 mẫu có giá trị COD và 2 mẫu có giá trị TSS nằm ở mức phân loại C - Chất lượng nước xấu (Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp), còn lại thì giá trị trung bình năm của tất cả các thông số tại 44 vị trí quan trắc đều nằm ở mức phân loại A - Chất lượng nước tốt (Nước có thể được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp) và mức phân loại B - Chất lượng nước trung bình (Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp) của QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (bảng 1 và bảng 2).

Các mẫu nước có các thông số ở mức phân loại C tập trung ở sông Bằng Giang, Sông Hiến, suối Cũn, khu vực Thành phố Cao Bằng; suối Án Lại, huyện Hoà An; suối Đông Khê, huyện Thạch An; Sông Thở Dục, huyện Nguyên Bình; Sông Gâm, huyện Bảo Lạc và suối Khuổi Tấu, huyện Hạ Lang. Nguyên nhân là do các sông suối là nơi tiếp nhận nước thải sinh hoạt của khu dân cư và trong năm trên địa bàn thường xuyên xảy ra mưa lớn kéo dài. Đa phần các điểm quan trắc có các thông số ở mức phân loại C đều có giá trị lớn ở các đợt quan trắc đầu năm và có dấu hiệu giảm về cuối năm.

Diễn biến chất lượng nước tại các con sông lớn trên địa bàn tỉnh như sau:

- *Sông Bằng Giang*: Trong tổng số 42 mẫu nước tại 7 điểm quan trắc cho thấy, có 4 mẫu có BOD₅ và COD ở mức phân loại D; 20 mẫu có BOD₅, 7 mẫu có TSS, 4 mẫu có COD, 1 mẫu có coliform nằm ở mức phân loại C; Tất cả các thông số quan trắc của các mẫu còn lại đều nằm ở mức phân loại A và B. Giá trị trung bình năm 2024 có 6/7 điểm quan trắc có giá trị BOD₅, 02 điểm quan trắc có giá trị COD và 01 điểm quan trắc ở hạ lưu có giá trị TSS nằm ở mức phân loại C.

- *Sông Hiến*: Trong tổng số 24 mẫu nước tại 4 điểm quan trắc, có 3 mẫu nước có giá trị BOD₅ và 01 mẫu có giá trị COD ở mức phân loại D; 13 mẫu nước có giá trị BOD₅ và 05 mẫu có giá trị COD ở mức phân loại C; các mẫu còn lại nằm ở mức phân loại A và B. Giá trị trung bình năm 2024 có 4/4 điểm quan trắc có giá trị BOD₅ và 01 điểm quan trắc có giá trị COD ở mức phân loại C.

- *Sông Gâm*: Trong tổng số 24 mẫu nước tại 4 điểm quan trắc, có 01 mẫu có giá trị COD và BOD₅ nằm ở mức phân loại D; 08 mẫu có giá trị BOD₅, 1 mẫu có giá trị COD, 04 mẫu có giá trị TSS và 01 mẫu có giá trị DO nằm ở mức phân loại C; các mẫu còn lại đều có các giá trị nằm ở mức phân loại A và B. Giá trị trung bình năm 2024 có 02/04 điểm quan trắc có giá trị BOD₅ và 01 điểm quan trắc ở thượng lưu có giá trị TSS ở mức phân loại C.

- *Sông Quây Sơn*: Trong tổng số 18 mẫu nước tại 03 điểm quan trắc, có 04 mẫu có giá trị thông số BOD₅, 02 mẫu có giá trị COD ở mức phân loại C; các mẫu còn lại các giá trị nằm ở mức phân loại A và B. Giá trị trung bình năm 2024 chỉ có 01 điểm quan trắc ở hạ lưu có giá trị BOD₅ ở mức phân loại C.

- *Sông Bắc Vọng*: Trong tổng số 18 mẫu nước tại 03 điểm quan trắc, có 01 mẫu có giá trị pH ở mức phân loại D; 06 mẫu có giá trị BOD₅, 01 mẫu có giá trị COD ở mức phân loại C; các mẫu còn lại các giá trị nằm ở mức phân loại A và B. Giá trị trung bình năm 2024 chỉ có 02 điểm quan trắc ở hạ lưu có giá trị BOD₅ ở mức phân loại C.

- *Sông Dẻ Rào*: Trong tổng số 18 mẫu nước tại 03 điểm quan trắc, có 01 mẫu có giá trị COD và BOD₅ nằm ở mức phân loại D, 06 mẫu có giá trị thông số BOD₅, 01 mẫu có giá trị COD và 01 mẫu có giá trị pH ở mức phân loại C, các mẫu còn lại đều có các giá trị thông số quan trắc nằm ở mức phân loại A và B.

Giá trị trung bình năm 2024 chỉ có 01 điểm quan trắc ở hạ lưu có giá trị BOD₅ và COD ở mức phân loại C.

Diễn biến thông số BOD₅, COD, DO, pH, TSS, coliform tại các sông, suối, khe trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024 như sau:

- Thông số BOD₅: Kết quả quan trắc có 01 mẫu có giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp (<3), các mẫu còn lại có giá trị dao động trong khoảng từ 3,07 mg/l đến 26,12 mg/l. Trong tổng số 264 mẫu nước, có 15 mẫu có giá trị ở mức phân loại A (≤ 4 mg/l), 133 mẫu có giá trị ở mức phân loại B (≤ 6 mg/l), 98 mẫu có giá trị ở mức phân loại C (≤ 10 mg/l) và 15 mẫu có giá trị ở mức phân loại D (>10 mg/L). Các mẫu có giá trị ở mức phân loại D tập trung ở sông Bằng Giang, Sông Hiến, suối Cũn, khu vực Thành phố Cao Bằng; suối Án Lại, huyện Hoà An; suối Đông Khê, huyện Thạch An; Sông Thở Dục, huyện Nguyên Bình; Sông Gâm, huyện Bảo Lạc và suối Khuổi Tấu, huyện Hạ Lang. Giá trị trung bình năm của 44 điểm quan trắc nước sông, suối, khe dao động từ 4,06 mg/l đến 9,81 mg/l, trong đó có 19 điểm có giá trị ở mức B và 25 điểm có giá trị ở mức C.

So sánh với kết quả trung bình năm 2023, giá trị trung bình năm 2024 của thông số BOD₅ có 41 điểm quan trắc có xu hướng tăng và 3 điểm quan trắc có xu hướng giảm. Diễn biến thông số BOD₅ tại một số sông, suối, khe trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024 thể hiện tại Biểu đồ 6.

- Thông số COD: Kết quả quan trắc 264 mẫu, có 63 mẫu có giá trị COD nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp (<9 mg/l), các mẫu còn lại có giá trị dao động từ 9,23 mg/l đến 46,75 mg/l. Trong đó, có 112 mẫu nước có giá trị COD ở mức phân loại A, 118 mẫu có giá trị ở mức phân loại B, 23 mẫu có giá trị ở mức phân loại C và 11 mẫu có giá trị ở mức phân loại D. Các mẫu có giá trị ở mức phân loại D tập trung ở sông Bằng Giang, Sông Hiến, suối Cũn, khu vực Thành phố Cao Bằng; suối Đông Khê, huyện Thạch An; Sông Thở Dục, huyện Nguyên Bình; Sông Gâm, huyện Bảo Lạc và suối Khuổi Tấu, huyện Hạ Lang. Giá trị trung bình năm của 44 điểm quan trắc nước sông, suối, khe có 06 điểm có giá trị ở mức A, 34 điểm có giá trị ở mức B và 04 điểm có giá trị ở mức C. Các điểm có giá trị trung bình ở mức C tại Sông Bằng Giang tại cầu Hoàng Ngà và tại cầu sắt đi xã Quang Trung, huyện Hòa An; sông Hiến tại chân cầu sông Hiến và sông Dẻ Rào tại trạm bơm Pác Gậy.

So sánh với kết quả trung bình năm 2023, giá trị trung bình năm 2024 của thông số COD có 39 điểm có xu hướng tăng, 4 điểm có xu hướng giảm và 01 điểm có giá trị tương đương. *Diễn biến thông số COD tại một số sông, suối trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024 thể hiện tại Biểu đồ 7.*

- Thông số DO: Kết quả quan trắc tại 264 mẫu có giá trị dao động từ 3,53 mg/l đến 8,07 mg/l. Trong đó, có 213 mẫu nước có giá trị DO ở mức phân loại A; 8 mẫu có giá trị ở mức phân loại B; 23 mẫu có giá trị ở mức phân loại C; 01 mẫu có giá trị ở mức phân loại D. Mẫu nước có giá trị ở mức phân loại D tại

suối Án Lại, xã Nguyễn Huệ, huyện Hoà An thời điểm quan trắc đợt 6. Giá trị trung bình năm của 44 điểm quan trắc có giá trị dao động từ 5,48 mg/l đến 7 mg/l, trong đó có 42 điểm có giá trị ở mức A và 02 điểm có giá trị ở mức B. Các điểm có giá trị trung bình ở mức B tại suối Nà Dí, xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng và suối Án Lại, xã Nguyễn Huệ, huyện Hoà An.

- So sánh với kết quả trung bình năm 2023, giá trị trung bình năm 2024 của thông số DO có 02 điểm quan trắc có xu hướng tăng, 42 điểm quan trắc có xu hướng giảm. Diễn biến thông số DO tại một số sông, suối, khe trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024 thể hiện tại Biểu đồ 8.

- Thông số TSS: Kết quả quan trắc tại 264 mẫu, có 20 mẫu có giá trị TSS nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp (KPH), 136 mẫu có giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp (<15), các mẫu còn lại có giá trị dao động từ 15,02 mg/l đến 543,7 mg/l. Trong đó, có 192 mẫu nước có giá trị TSS ở mức phân loại A; 56 mẫu có giá trị ở mức phân loại B; 16 mẫu có giá trị ở mức phân loại C; 11 mẫu có giá trị ở mức phân loại D. Các mẫu có giá trị ở mức phân loại D tập trung ở sông Bằng Giang, Sông Gâm, sông Nieu, sông Dẻ Rào. Giá trị trung bình năm của 44 điểm quan trắc nước sông, suối, khe có 18 điểm có giá trị ở mức A, 24 điểm có giá trị ở mức B và 02 điểm có giá trị ở mức C. Các điểm có giá trị trung bình ở mức C tại Sông Trà Lĩnh (khu vực Cửa khẩu Trà Lĩnh), huyện Trùng Khánh và Sông Gâm tại cầu treo trước hợp lưu với sông Neo (sông Nieu), huyện Bảo Lạc.

So sánh với kết quả trung bình năm 2023, giá trị trung bình năm 2024 của thông số TSS có 36 điểm có xu hướng tăng và 8 điểm có xu hướng giảm.

- Thông số pH: Kết quả quan trắc tại 264 mẫu, có giá trị dao động từ 5,98 đến 8,72. Trong đó, có 259 mẫu nước có giá trị pH ở mức phân loại A, 03 mẫu có giá trị ở mức phân loại B, 02 mẫu có giá trị ở mức phân loại D. Các mẫu có giá trị ở mức phân loại D là suối Cùn tại cầu Nà Cạn, thành phố Cao Bằng và Sông Bắc Vọng, cửa khẩu Tà Lùng, huyện Quảng Hoà. Giá trị trung bình năm 2024 tại 44 điểm quan trắc có giá trị dao động từ 7,11 đến 8,01 và đều nằm ở mức phân loại A.

So sánh với kết quả trung bình năm 2023, giá trị trung bình năm 2024 của thông số pH có 21 điểm quan trắc có xu hướng tăng và 23 điểm quan trắc có xu hướng giảm. Diễn biến thông số pH tại một số sông, suối, khe trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024 thể hiện tại Biểu đồ 9.

- Thông số Coliform: Kết quả quan trắc tại 264 mẫu, có 01 mẫu có giá trị nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp (KPH), các mẫu còn lại dao động từ 45 MNP/100ml đến 5400 MNP/100ml. Trong đó, có 134 mẫu nước có giá trị Coliform ở mức phân loại A (≤ 1.000 MNP/100ml), 129 mẫu có giá trị ở mức phân loại B (≤ 5.000 MNP/100ml) và 01 mẫu có giá trị ở mức phân loại C (≤ 7500 MNP/100ml). Mẫu có giá trị mức C quan trắc tại sông Bằng Giang (cầu

sông Máng, thành phố Cao Bằng), quan trắc đợt 4 đạt giá trị 5.400 MNP/100ml. Giá trị trung bình năm của 44 mẫu nước sông, suối, khe có 21 mẫu ở mức phân loại A và 23 mẫu ở mức phân loại B.

So sánh với kết quả trung bình năm 2023, giá trị trung bình năm 2024 của thông số Coliform có 37 điểm quan trắc có xu hướng tăng và 07 điểm quan trắc có xu hướng giảm.

b. Diễn biến chất lượng nước hồ:

Qua kết quả quan trắc của 13 mẫu nước hồ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng trong 6 đợt quan trắc cho thấy, thông số coliform luôn có giá trị nằm ở mức phân loại mức A và B; các thông số BOD₅, COD, DO, TSS, pH đều có các giá trị nằm ở mức phân loại C và D, có 01 mẫu nước hồ có giá trị NH₄⁺ vượt GHCP của QCVN. Giá trị trung bình năm có 13/13 điểm quan trắc nước hồ có thông số BOD₅, 05/13 hồ có thông số COD và 03/13 hồ có thông số TSS ở mức phân loại C, giá trị trung bình năm của tất cả các thông số còn lại tại 13 mẫu nước hồ đều nằm ở mức phân loại A và mức phân loại B, giá trị trung bình năm của NH₄⁺ tại 13 hồ đều có giá trị nằm trong GHCP của QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (bảng 1 và bảng 3).

- Thông số BOD₅: Kết quả quan trắc của 78 mẫu nước hồ tại 13 điểm quan trắc có giá trị dao động từ 4,01 mg/l đến 14,82 mg/l. Trong đó có 08 mẫu có giá trị ở mức phân loại B, 63 mẫu ở mức phân loại C và 07 mẫu ở mức phân loại D. Giá trị trung bình năm 2024 có giá trị dao động từ 6,12 mg/l đến 8,64 mg/l và đều nằm ở mức phân loại C. So sánh với kết quả trung bình năm 2023, giá trị trung bình năm 2024 của thông số BOD₅ có 9 điểm quan trắc có xu hướng tăng và 04 điểm có xu hướng giảm. Diễn biến thông số BOD₅ trong môi trường nước hồ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024 thể hiện tại Biểu đồ 10.

- Thông số COD: Kết quả quan trắc của 78 mẫu nước hồ tại 13 điểm, có 03 mẫu có giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp (<9), các mẫu còn lại có giá trị dao động từ 9,47 mg/l đến 26,49 mg/l. Trong đó, có 04 mẫu có giá trị ở mức phân loại A, 53 mẫu có giá trị ở mức phân loại B, 16 mẫu ở mức phân loại C và 05 mẫu ở mức phân loại D. Giá trị trung bình năm 2024 có 08 điểm quan trắc ở mức phân loại B và 05 điểm quan trắc ở mức phân loại C. So sánh với kết quả trung bình năm 2023, giá trị trung bình năm 2024 của thông số COD có 9 điểm quan trắc có xu hướng tăng và 04 điểm có xu hướng giảm.

Diễn biến thông số COD trong môi trường nước hồ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024 thể hiện tại Biểu đồ 11.

- Thông số DO: Kết quả quan trắc của 78 mẫu nước hồ tại 13 điểm quan trắc có giá trị dao động từ 3,2 mg/l đến 7,8 mg/l. Trong đó có 29 mẫu có giá trị ở mức phân loại A, 37 mẫu có giá trị ở mức phân loại B, 10 mẫu ở mức phân loại C và 02 mẫu ở mức phân loại D. Giá trị trung bình năm 2024 có giá trị dao động từ 5,33 mg/l đến 6,16 mg/l, có 03 điểm quan trắc ở mức phân loại A và 10 điểm

quan trắc ở mức phân loại B. So sánh với kết quả trung bình năm 2023, giá trị trung bình năm 2024 của thông số DO có xu hướng giảm, 13/13 điểm quan trắc nước hồ đều có giá trị DO nhỏ hơn năm 2023.

Diễn biến thông số DO trong môi trường nước hồ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024 thể hiện tại Biểu đồ 12.

- Thông số TSS: Kết quả quan trắc của 78 mẫu nước hồ tại 13 điểm quan trắc năm 2024 có 07 mẫu có giá trị nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp, 60 mẫu có giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp (<15), các mẫu còn lại có giá trị dao động từ 15,28 mg/l đến 36,66 mg/l. Trong đó có 07 mẫu có giá trị ở mức phân loại A, 60 mẫu có giá trị ở mức phân loại B và 14 mẫu ở mức phân loại C. Giá trị trung bình năm 2024 có 10 điểm quan trắc ở mức phân loại B và 03 điểm quan trắc ở mức phân loại C.

- Thông số pH: Kết quả quan trắc của 78 mẫu nước hồ tại 13 điểm quan trắc có giá trị dao động từ 6,27 đến 9,1, trong đó có 76 mẫu ở mức phân loại A, 01 mẫu ở mức phân loại B và 01 mẫu ở mức phân loại D. Mẫu có giá trị ở mức phân loại D tại Hồ Khuổi Lái, xã Bạch Đằng, huyện Hoà An thời điểm quan trắc đợt 2. Giá trị trung bình năm 2024 dao động từ 7,21 đến 8,05 và đều nằm ở mức phân loại A. So sánh với kết quả trung bình năm 2023, giá trị trung bình năm 2024 của thông số pH có 04 điểm quan trắc có xu hướng tăng và 09 điểm có xu hướng giảm.

Diễn biến thông số pH trong môi trường nước hồ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024 thể hiện tại Biểu đồ 13.

- Thông số NH_4^+ : Kết quả quan trắc của 78 mẫu nước hồ tại 13 điểm quan trắc có 02 mẫu có giá trị nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp (KPH), 17 mẫu có giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp ($<0,06$), các mẫu còn lại có giá trị dao động từ 0,06 mg/l đến 0,621 mg/l. Trong đó, có 01 mẫu có giá trị vượt GHCP của QCVN tại Hồ Nà Lái, xã Phi Hải, huyện Quảng Hoà thời điểm quan trắc đợt 1, số lần quy chuẩn 2,07 lần. Giá trị trung bình năm 2024 của thông số NH_4^+ đều nằm trong GHCP của QCVN.

1.2.1.2. Diễn biến chất lượng môi trường nước qua kết quả trạm quan trắc tự động, liên tục

Thực hiện theo dõi, vận hành 02 trạm quan trắc tự động, liên tục môi trường nước mặt bao gồm: Trạm quan trắc tự động, liên tục môi trường nước sông Bằng Giang, xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng và Trạm quan trắc tự động, liên tục môi trường nước sông Bằng Giang, thị trấn Nước Hai, huyện Hoà An với các thông số quan trắc: Nhiệt độ, DO, pH, TSS, NH_4^+ , Nitrat, COD.

Trong năm 2024 do ảnh hưởng của mưa lũ và bão số 3 dẫn đến hỏng hệ thống máy bơm và lỗi thiết bị điều khiển SC1000 tại 02 trạm dẫn đến không có dữ liệu và dữ liệu thu được không tin cậy từ ngày 14/8 đến ngày 07/10 tại trạm Chu Trinh và từ ngày 28/8 đến ngày 30/9 tại Trạm Hoà An. Ngoài ra, trong năm

còn xảy ra sự cố như lỗi sever máy chủ dẫn đến mất dữ liệu trong ngày 17/02 đến 19/02 và một số thiết bị lỗi đầu đo dẫn đến số liệu thu được không tin cậy.

Từ các số liệu hợp lệ thu được, so sánh với QCVN 08:2023/BTNMT (bảng 2), các thông số quan trắc tại 02 trạm hầu hết có giá trị trung bình năm 2024 ở mức phân loại A, B; thông số COD có giá trị trung bình năm ở mức phân loại C; giá trị trung bình ngày, tháng, năm của thông số amoni tại các trạm quan trắc đều nằm trong GHCP của QCVN 08:2023/BTNMT (bảng 1).

+ Thông số COD: Giá trị trung bình ngày của thông số COD dao động từ 2,41 mg/l đến 148,5 mg/l tại Trạm quan trắc xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng; từ 5,38 mg/l đến 54,92 mg/l tại Trạm quan trắc huyện Hoà An. So sánh với QCVN 08:2023/BTNMT, trong kỳ báo cáo, tại Trạm quan trắc xã Chu Trinh có 07 ngày giá trị thông số COD ở mức phân loại A (≤ 10 mg/l), 134 ngày ở mức phân loại B (≤ 15 mg/l), 84 ngày ở mức phân loại C (≤ 20 mg/l) và 52 ngày ở mức phân loại D (>20 mg/l). Tại trạm quan trắc huyện Hoà An có 79 ngày giá trị COD ở mức phân loại A, 81 ngày ở mức phân loại B, 70 ngày ở mức phân loại C và 83 ngày ở mức phân loại D. Những ngày giá trị COD ở mức phân loại C và D đều là những ngày trên địa bàn tỉnh xảy ra mưa lớn kéo dài. Giá trị trung bình năm của thông số đạt 18,42 mg/l tại trạm quan trắc xã Chu Trinh và 16,11 mg/l tại trạm quan trắc huyện Hoà An và đều ở mức phân loại C.

So sánh với kết quả trung bình năm 2023, bên cạnh các thông số pH, nhiệt độ, DO không có nhiều biến động thì thông số TSS có giá trị tăng, COD và Amoni có giá trị giảm so với năm 2023. Giá trị trung bình năm 2023 và 2024 tại Trạm Quan trắc tự động, liên tục nước sông Bằng Giang, xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng thể hiện tại Biểu đồ 14; tại Trạm Quan trắc tự động, liên tục nước sông Bằng Giang, huyện Hoà An thể hiện tại Biểu đồ 15.

Nhìn chung, môi trường nước mặt trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024 có xu hướng gia tăng hàm lượng các thông số BOD₅, COD và TSS tại một số điểm quan trắc. Các thông số còn lại đa phần đều nằm ở mức phân loại A và B. Nguyên nhân là do trong năm trên địa bàn tỉnh thường xuyên xảy ra mưa lớn kéo dài và một số sông, suối là nơi tiếp nhận nước thải sinh hoạt của khu vực dân cư.

- Số liệu từ hệ thống quan trắc tự động của một số tháng trong năm không đảm bảo do ảnh hưởng của mưa lũ và cơn bão số 3 đến hệ thống máy chủ hoạt động không ổn định và một số thiết bị tại các trạm quan trắc tự động gặp sự cố dẫn đến mất dữ liệu và dữ liệu thu được không tin cậy.

- Một số thông số quan trắc trong môi trường nước mặt như NO_3^- và PO_4^{3-} được quy định là thông số quan trắc tối thiểu theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tuy nhiên lại không có quy định tại QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, đồng thời, theo Quy chuẩn trên thì dữ liệu quan trắc để đánh giá, phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch, hồ, ao, đầm quy định tần suất quan trắc tối thiểu là 10 lần/năm (*hiện nay tỉnh Cao*

Bảng đang thực hiện 06 lần/năm), do đó kết quả quan trắc môi trường nước mặt thu nhận được chưa đảm bảo để đánh giá, phân loại chất lượng môi trường.

1.2.2. Môi trường nước dưới đất

Thực hiện 04 đợt quan trắc môi trường nước dưới đất tại 15 điểm với 60 mẫu quan trắc trên địa bàn 10 huyện, thành phố Cao Bằng. Các thông số quan trắc bao gồm: pH, TDS, chỉ số permanganat, NH_4^+ , NO_3^- , Fe, As.

Theo kết quả quan trắc 4 đợt của 15 mẫu nước dưới đất cho thấy, ngoài thông số pH có 01 mẫu có giá trị nằm ngoài khoảng GHCP của QCVN thì các thông số: TDS, chỉ số Permanganat, NH_4^+ , NO_3^- , Fe, As của các mẫu theo các đợt quan trắc môi trường nước dưới đất đều nằm trong giới hạn cho phép QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất. Giá trị trung bình năm 2024 của tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong GHCP của QCVN.

- Thông số pH: Có giá trị dao động từ 5,32 đến 8,15, trong đó có 01 điểm quan trắc thời điểm quan trắc đợt 2 có giá trị vượt GHCP của QCVN tại Nước giếng hộ dân tổ 1, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng (5,32). Giá trị trung bình năm 2024 của thông số pH tại các điểm quan trắc dao động từ 6,63 đến 7,56 đều nằm trong GHCP của QCVN.

So sánh với kết quả năm 2023, giá trị pH trung bình năm 2024 có 9 điểm quan trắc có xu hướng tăng và 06 điểm quan trắc có xu hướng giảm, các điểm có xu hướng giảm tại các huyện Quảng Hoà, Thạch An, Nguyên Bình, Bảo Lạc, Hạ Lang. Giá trị trung bình năm 2023 và năm 2024 của thông số pH trong môi trường nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng thể hiện tại Biểu đồ 16.

- Thông số TDS: Tại 15 điểm quan trắc có giá trị dao động từ 91 mg/l đến 486 mg/l và đều nằm trong GHCP của QCVN. Giá trị trung bình năm 2024 dao động từ 126,6 mg/l đến 343,9 mg/l, giá trị trung bình thấp nhất tại Nước giếng gia đình hộ dân khu 1, thị trấn Bảo Lạc, huyện Bảo Lạc, giá trị trung bình cao nhất tại Xí nghiệp cấp nước thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh. So sánh với kết quả năm 2023, giá trị trung bình năm 2024 của thông số TDS tại 15 điểm quan trắc có 07 điểm quan trắc có xu hướng tăng và 08 điểm quan trắc có xu hướng giảm. Các điểm quan trắc có xu hướng tăng tại các huyện: Quảng Hoà, Thạch An, Nguyên Bình, Bảo Lạc và Bảo Lâm.

- Chỉ số Permanganat: Tại 15 điểm quan trắc có giá trị dao động từ 0,89 mg/l đến 1,95 mg/l nằm trong GHCP của QCVN. Giá trị trung bình năm 2024 dao động từ 1,18 mg/l đến 1,49 mg/l nằm trong GHCP của QCVN, giá trị trung bình nhỏ nhất tại Mỏ nước tại xóm 7 Bế Triều, thị trấn Nước Hai, huyện Hoà An, giá trị trung bình lớn nhất tại Mỏ nước Pác Bó, thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hoà. So sánh với kết quả quan trắc năm 2023, giá trị trung bình năm 2024 của chỉ số Permanganat có 13 điểm quan trắc có xu hướng tăng và 02 điểm

quan trắc có xu hướng giảm. Các điểm quan trắc có xu hướng giảm tại huyện Quảng Hoà.

- Thông số NH_4^+ : Kết quả quan trắc 60 mẫu, có 05 mẫu có giá trị NH_4^+ thấp hơn giới hạn phát hiện của phương pháp (KPH), 34 điểm quan trắc có giá trị NH_4^+ thấp hơn giá trị định lượng của phương pháp ($<0,06$), các điểm quan trắc còn lại có giá trị dao động từ 0,06 mg/l đến 0,515 mg/l nằm trong GHCP của QCVN. Giá trị trung bình năm 2024 tại 15 điểm quan trắc đa phần đều thấp hơn giá trị định lượng của phương pháp ($<0,06$) và đều nằm trong GHCP của QCVN. So sánh với kết quả quan trắc năm 2023, giá trị trung bình năm 2024 của thông số NH_4^+ có 05 điểm quan trắc có xu hướng tăng và 10 điểm quan trắc có xu hướng giảm. Các điểm quan trắc có xu hướng tăng tại thành phố Cao Bằng và các huyện: Thạch An, Bảo Lạc, Hạ Lang.

- Thông số NO_3^- : Kết quả quan trắc của 60 mẫu có giá trị dao động từ 0,383 mg/l đến 2,224 mg/l nằm trong GHCP của QCVN. Giá trị trung bình năm 2024 của 15 điểm quan trắc nước dưới đất dao động từ 0,776 mg/l đến 1,467 mg/l và đều nằm trong GHCP của QCVN. So sánh với kết quả quan trắc năm 2023, giá trị trung bình năm 2024 của thông số NO_3^- có xu hướng giảm, 15/15 mẫu quan trắc đều có giá trị thấp hơn giá trị trung bình năm 2023.

- Thông số Fe: Kết quả quan trắc 60 mẫu, có 27 mẫu có giá trị thông số Fe thấp hơn giới hạn phát hiện của phương pháp (KPH), 27 điểm quan trắc có giá trị thấp hơn giá trị định lượng của phương pháp ($<0,06$), các điểm quan trắc còn lại có giá trị dao động từ 0,08 mg/l đến 0,11 mg/l đều nằm trong GHCP của QCVN. Giá trị trung bình năm 2024 tại 15 điểm quan trắc môi trường nước dưới đất có 14/15 điểm thấp hơn giá trị định lượng của phương pháp ($<0,08$) và đều nằm trong GHCP của QCVN. So sánh với kết quả quan trắc năm 2023, giá trị trung bình năm 2024 của thông số Fe có xu hướng giảm, 15/15 mẫu quan trắc đều có giá trị thấp hơn giá trị trung bình năm 2023.

- Thông số As: Kết quả quan trắc của 60 mẫu nước dưới đất và giá trị trung bình năm 2024 của 15 điểm quan trắc đều có giá trị As nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp (KPH) và đều nằm trong GHCP của QCVN. So sánh với kết quả quan trắc năm 2023, giá trị trung bình năm 2024 của thông số As tương đương với kết quả quan trắc năm 2023 và đều nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp (KPH).

1.3. Môi trường đất

1.3.1. Diễn biến chất lượng môi trường đất

Thực hiện 02 đợt quan trắc môi trường đất tại 20 điểm với 40 mẫu quan trắc trên địa bàn tỉnh. Các thông số quan trắc bao gồm: As, Cd, Pb, Cr, Cu, Zn. Kết quả quan trắc cho thấy môi trường đất tại tỉnh Cao Bằng chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm bởi các kim loại nặng, tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong

GHCP của QCVN 03:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

- Thông số As: Kết quả quan trắc 40 mẫu đất tại 20 điểm, có 23 mẫu đất có giá trị As nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp (KPH), các mẫu còn lại có giá trị dao động từ 0,6 mg/kg đến 4,7 mg/kg đều nằm trong GHCP của QCVN. Giá trị trung bình năm 2024 tại 20 điểm quan trắc môi trường đất có 6 điểm quan trắc có giá trị thông số As nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp (KPH), các mẫu còn lại có giá trị dao động từ 0,44 mg/kg đến 3,06 mg/kg đều nằm trong GHCP của QCVN. So sánh với kết quả quan trắc năm 2023, giá trị trung bình năm 2024 của thông số As có 05 điểm quan trắc có xu hướng tăng và 15 điểm quan trắc có xu hướng giảm. Các điểm quan trắc có xu hướng tăng tại các huyện: Hoà An, Quảng Hoà, Thạch An, Bảo Lạc.

- Thông số Cd: Kết quả quan trắc 40 mẫu đất tại 20 điểm quan trắc, có 07 mẫu đất có giá trị Cd nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp (KPH), 01 mẫu đất nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp ($<0,09$), các mẫu còn lại có giá trị dao động 0,15 mg/kg đến 2,17 mg/kg đều nằm trong GHCP của QCVN. Giá trị trung bình năm 2024 tại 20 điểm quan trắc môi trường đất có giá trị thông số Cd dao động từ 0,083 mg/kg đến 1,781 mg/kg đều nằm trong GHCP của QCVN. So sánh với kết quả quan trắc năm 2023, giá trị trung bình năm 2024 của thông số Cd có 16 điểm quan trắc có xu hướng tăng và 04 điểm quan trắc có xu hướng giảm. Các điểm quan trắc có xu hướng giảm tại các huyện: Hoà An, Trùng Khánh, Hạ Lang, Bảo Lạc.

- Thông số Pb: Kết quả quan trắc 40 mẫu đất tại 20 điểm, có 10 mẫu đất có giá trị Pb nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp (KPH), các mẫu còn lại có giá trị dao động 2,52 mg/kg đến 45,66 mg/kg đều nằm trong GHCP của QCVN. Giá trị trung bình năm 2024 tại 20 điểm quan trắc môi trường đất có 03 điểm quan trắc có giá trị thông số Pb nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp (KPH), các mẫu còn lại dao động từ 1,36 mg/kg đến 26,2 mg/kg đều nằm trong GHCP của QCVN. So sánh với kết quả quan trắc năm 2023, giá trị trung bình năm 2024 của thông số Pb có 05 điểm quan trắc có xu hướng tăng và 15 điểm quan trắc có xu hướng giảm. Các điểm quan trắc có xu hướng tăng tại thành phố Cao Bằng và các huyện: Hoà An, Trùng Khánh, Hạ Lang.

- Thông số Zn: Kết quả quan trắc 40 mẫu đất, có 09 mẫu đất có giá trị Zn nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp (KPH), 07 mẫu đất có giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp (<12), các mẫu còn lại có giá trị dao động 12,2 mg/kg đến 42,2 mg/kg đều nằm trong GHCP của QCVN. Giá trị trung bình năm 2024 tại 20 điểm quan trắc môi trường đất có 01 điểm quan trắc có giá trị thông số Zn nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp (KPH), 06 mẫu đất có giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp (<12), các mẫu còn lại dao động từ 14,9 mg/kg đến 35,5 mg/kg đều nằm trong GHCP của QCVN. So sánh với kết quả quan trắc năm 2023, giá trị trung bình năm 2024

của thông số Zn có 02 điểm quan trắc có xu hướng tăng và 18 điểm quan trắc có xu hướng giảm. Các điểm có xu hướng tăng tại huyện Hoà An, Bảo Lâm.

- Thông số Cu: Kết quả quan trắc 40 mẫu, có 03 mẫu đất có giá trị Cu nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp (KPH), 06 mẫu đất có giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp (<12), các mẫu còn lại có giá trị dao động 12,4 mg/kg đến 130,2 mg/kg đều nằm trong GHCP của QCVN. Giá trị trung bình năm 2024 tại 20 điểm quan trắc môi trường đất có 01 điểm quan trắc có giá trị thông số Cu nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp (<12), các mẫu còn lại dao động từ 13,4 mg/kg đến 114,4 mg/kg đều nằm trong GHCP của QCVN. So sánh với kết quả quan trắc năm 2023, giá trị trung bình năm 2024 của thông số Cu có 05 điểm quan trắc có xu hướng tăng và 15 điểm quan trắc có xu hướng giảm. Các điểm quan trắc có xu hướng tăng tại các huyện: Hoà An, Hà Quảng, Nguyên Bình, Bảo Lâm.

- Thông số Cr: Kết quả quan trắc 40 mẫu đất, có 18 mẫu đất có giá trị Cr nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp (KPH), 05 mẫu đất có giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp (<15), các mẫu còn lại có giá trị dao động 17,2 mg/kg đến 110,6 mg/kg đều nằm trong GHCP của QCVN. Giá trị trung bình năm 2024 tại 20 điểm quan trắc môi trường đất có 04 điểm quan trắc có giá trị thông số Cr nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp (KPH), 08 điểm quan trắc nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp (<15), các mẫu còn lại dao động từ 18,5 mg/kg đến 96,4 mg/kg đều nằm trong GHCP của QCVN. So sánh với kết quả quan trắc năm 2023, giá trị trung bình năm 2024 của thông số Cr có 04 điểm quan trắc có xu hướng tăng và 16 điểm quan trắc có xu hướng giảm. Các điểm quan trắc có xu hướng tăng tại các huyện: Hoà An, Thạch An, Bảo Lâm.

Nhìn chung, môi trường đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng còn tương đối tốt, chưa có dấu hiệu ô nhiễm bởi hàm lượng kim loại nặng.

1.3.2. Kết quả cải tạo, phục hồi môi trường tại khu vực ô nhiễm môi trường đất

Tỉnh Cao Bằng, có khu vực đất bị ô nhiễm do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu là Kho thuốc Tổ 11 (nay là Tổ 9), phường Tân Giang, thành phố Cao Bằng. Năm 2024, tỉnh Cao Bằng tiếp tục bố trí kinh phí để điều tra đánh giá sơ bộ, tuy nhiên Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành chưa ban hành Thông tư thay thế Thông tư số 04/2023/TT-BTNMT ngày 06/7/2023 quy định ngưng hiệu lực thi hành khoản 1 Điều 7 và khoản 2 Điều 75 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022. Tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Bộ TN&MT cho hướng dẫn thực hiện xử lý ô nhiễm đất do hoá chất bảo vệ thực vật tồn lưu (Công văn số 1244/STNMT-QLMT ngày 23/4/2024). Đến nay, Bộ TN&MT chưa ban hành Thông tư thay thế hoặc văn bản trả lời nên chưa có cơ sở để thực hiện điều tra đánh giá sơ bộ chất lượng môi trường đất bị ô nhiễm do hóa chất bảo vệ thực vật.

1.4. Hiện trạng di sản thiên nhiên và đa dạng sinh học

1.4.1. Số lượng và diện tích các khu di sản thiên nhiên, các bảo tồn thiên nhiên, vùng đất ngập nước quan trọng

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Cao Bằng có 08 khu, trong đó: Có 04 khu di tích văn hoá lịch sử, 03 khu bảo tồn thiên nhiên và 01 khu bảo tồn loài sinh cảnh với diện tích 17.622,9 ha (theo Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 31/3/2015 của UBND tỉnh Cao Bằng). Cụ thể: Khu di tích quốc gia đặc biệt Pác Bó, huyện Hà Quảng là 1.385 ha; Khu di tích văn hoá - lịch sử núi Lãng Đồn, huyện Thạch An là 758,1 ha; Khu di tích văn hoá - lịch sử Lam Sơn, huyện Hoà An là 75 ha; Khu di tích quốc gia đặc biệt rừng Trần Hưng Đạo, huyện Nguyên Bình là 1.156,3 ha; Vườn Quốc gia Phia Oắc - Phia Đén, huyện Nguyên Bình là 10.593,5 ha; Khu bảo tồn thiên nhiên Hồ Thằng Hen, huyện Quảng Hoà là 481,2 ha; Khu bảo tồn thiên nhiên Thác Bản Giốc, huyện Trùng Khánh là 566 ha; Khu bảo tồn loài sinh cảnh Vườn Cao Vít, huyện Trùng Khánh là 2.607,8 ha.

Số lượng và diện tích các khu di sản thiên nhiên, bảo tồn thiên nhiên, vùng đất ngập nước quan trọng,... của tỉnh Cao Bằng không thay đổi so với năm 2023.

Theo quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 diện tích quy hoạch rừng đặc dụng đến năm 2030 tỉnh Cao Bằng khoảng 24.261 ha, phân bố tại các khu bảo tồn gồm 01 Vườn Quốc gia, 01 khu bảo tồn loài sinh cảnh, 04 khu di tích văn hoá lịch sử và 02 khu bảo tồn thiên nhiên, cụ thể: Vườn Quốc gia Phia Oắc - Phia Đén, huyện Nguyên Bình; Khu bảo tồn loài sinh cảnh Vườn Cao Vít, huyện Trùng Khánh; Khu di tích Quốc gia đặc biệt Pác Bó, huyện Hà Quảng; Khu di tích văn hoá - lịch sử núi Lãng Đồn, huyện Thạch An; Khu di tích văn hoá - lịch sử Lam Sơn, huyện Hoà An; Khu di tích quốc gia đặc biệt rừng Trần Hưng Đạo, huyện Nguyên Bình; Khu bảo tồn thiên nhiên hồ Thằng Hen, huyện Quảng Hoà; Khu Bảo tồn thiên nhiên thác Bản Giốc huyện Trùng Khánh.

1.4.2. Số lượng và diện tích các danh lam thắng cảnh, di tích cấp quốc gia đặc biệt, di tích cấp quốc gia, di tích cấp tỉnh đã được công nhận

Tỉnh Cao Bằng có các danh lam thắng cảnh, di tích cấp quốc gia đặc biệt, di tích cấp quốc gia, di tích cấp tỉnh đã được công nhận là 102 di tích, trong đó di tích cấp quốc gia đặc biệt là 03 di tích, di tích cấp quốc gia là 27 di tích, di tích cấp tỉnh là 72 di tích phân bố tại 10 huyện, thành phố của tỉnh Cao Bằng.

1.4.3. Danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài đặc hữu, loài bị đe dọa theo sách đỏ Việt Nam và danh lục đỏ của IUCN

Trên địa bàn Cao Bằng có loài Vượn đen tuyền đông bắc (Vượn cao vít) có tên khoa học là *Nomascus nasutus* nằm trong danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (tại danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP, ngày 22/01/2019 của

Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ) hiện đang được bảo tồn tại Khu bảo tồn loài sinh cảnh Vườn Cao Vít, huyện Trùng Khánh.

Huyện Nguyên Bình có cây Bách vàng tên khoa học là *Xanthocyparis vietnamensis* nằm trong danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (tại danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP, ngày 22/01/2019 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ) được Trung tâm Khoa học lâm nghiệp đông bắc bộ thuộc Viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam nghiên cứu phương pháp nhân giống và đưa vào trồng mô hình được 2,5 ha tại Vườn quốc gia Phia Oắc Phia Đén.

II. BỐI CẢNH CHUNG KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ CÁC TÁC ĐỘNG CHÍNH ĐẾN MÔI TRƯỜNG

2.1. Thông tin chung về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương¹

2.1.1. Các chỉ tiêu về kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn GRDP ước đạt 6,74%. Trong đó: Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,25%; công nghiệp, xây dựng tăng 9,9%; dịch vụ tăng 7,22%; thuế sản phẩm từ trợ cấp sản phẩm tăng 5,59%.
- GRDP bình quân đầu người: Ước đạt 45,13 triệu đồng/người.
- Giá trị sản phẩm trồng trọt, nuôi trồng thủy sản trên 1 đơn vị diện tích (ha): Ước đạt 48 triệu đồng/ha.
- Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua địa bàn (bao gồm cả giá hàng hoá giám sát) đạt 946,462 triệu USD.
- Thu ngân sách trên địa bàn đạt 2.524,04 tỷ đồng. Trong đó, thu nội địa 1.535,17 tỷ đồng; thu xuất nhập khẩu 926,074 tỷ đồng.
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng 6,1%.
- Giao thông: Tỷ lệ chiều dài các tuyến đường huyện, đường xã được nhựa hoá/bê tông hoá mặt đường đạt 63%; tỷ lệ xã có đường đến trung tâm xã được nhựa hoá/bê tông hoá là 151/161 xã, đạt tỷ lệ 93,8%.

2.1.2. Các chỉ tiêu về văn hóa, xã hội

- Hoàn thành mục tiêu công tác phổ cập giáo dục, xoá mù chữ đã đề ra; tăng thêm 07 trường đạt chuẩn quốc gia.
- Duy trì tỷ lệ 15 bác sỹ/1 vạn dân, 35 giường bệnh/vạn dân. Tỷ lệ số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã ước đạt 91,3%; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế, tỷ lệ bao phủ khoảng 94,3%.

¹ Theo Báo cáo số 73/BC-UBND ngày 13/01/2025 của UBND tỉnh Cao Bằng về tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2025

- Tỷ lệ "Gia đình văn hoá" ước đạt 88,8%; tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hoá duy trì 95%; tỷ lệ "xóm, tổ dân phố có nhà văn hoá" sơ bộ đạt khoảng trên 83%; tỷ lệ xóm, tổ dân phố có nhà văn hoá 97%, trong đó tỷ lệ xóm, tổ dân phố có nhà văn hoá đáp ứng nhu cầu sử dụng đạt 58,6%.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo 4,67%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo ước đạt 50,9%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 38,8%; tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị 2,4%.

- Tăng thêm 02 xã điểm đạt từ 17 - 18 tiêu chí nông thôn mới.

2.1.3. Các chỉ tiêu về tài nguyên môi trường

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 54,56 %.

- Tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch ước đạt 87,6%; tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh ước đạt 94%.

- Số hộ chăn nuôi đưa gia súc ra khỏi gầm sàn nhà ở tăng thêm 2.318 hộ, đạt 121,7% kế hoạch.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt khu vực đô thị được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 92,56 %; tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 91,6%.

2.2. Các tác động chính đến môi trường

- Nguy cơ ô nhiễm môi trường nước mặt hệ thống sông, suối, ao, hồ trên địa bàn tỉnh do toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt tại các khu vực đô thị, khu dân cư tập trung chưa được thu gom, xử lý chảy trực tiếp ra hệ thống ao, hồ, sông suối trên địa bàn tỉnh là một trong những nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước mặt.

- Nguy cơ ô nhiễm môi trường môi trường đất, nước tại các khu vực bãi chôn lấp chất thải rác sinh hoạt không hợp vệ sinh trên địa bàn tỉnh. Hiện nay trên địa bàn tỉnh Cao Bằng 21 vị trí xử lý rác thải sinh hoạt, trong đó có 12/21 bãi chôn lấp không hợp vệ sinh.

- Ô nhiễm môi trường không khí, bụi tại các khu vực đô thị, đặc biệt là ô nhiễm bụi, khí thải do hoạt động xây dựng, giao thông ngày càng gia tăng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng trong những năm tới.

III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

3.1. Kiểm soát nguồn ô nhiễm

3.1.1. Tỷ lệ các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp (CCN), làng nghề có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định

Tỉnh Cao Bằng, Quy hoạch có 01 khu công nghiệp Chu Trinh, 03 cụm công nghiệp, đã công nhận được 09 làng nghề, 02 làng nghề truyền thống. Tình hình hoạt động của các khu, cụm và làng nghề, như sau:

- Về Khu công nghiệp Chu Trinh: Là khu công nghiệp duy nhất của tỉnh Cao Bằng với diện tích 80,94 ha, giai đoạn 2017-2022 đã được triển khai đầu tư xây dựng dự án Đường vào và hệ thống xử lý nước thải Khu công nghiệp, đến nay dự án này cơ bản đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng (diện tích giải phóng mặt bằng khoảng 15,8 ha); Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng công trình Trung tâm điều hành, cổng và giải phóng mặt bằng khu công nghiệp Chu Trinh, giai đoạn 2023-2026. Khu công nghiệp Chu Trinh tiếp tục được bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương để đầu tư thêm một số hạng mục như: Giải phóng toàn bộ diện tích đất theo quy hoạch còn lại chưa thực hiện (khoảng 63,57ha), xây dựng trung tâm điều hành và cổng quản lý, với mục tiêu là đến hết năm 2026 sẽ có mặt bằng sạch và một số hạ tầng cơ bản để đủ điều kiện thu hút đầu tư các dự án sản xuất công nghiệp. Hiện tại chưa có cơ sở sản xuất, kinh doanh của các nhà đầu tư hoạt động trong khu công nghiệp.

- Về Cụm công nghiệp: Đã thành lập được 03 cụm công nghiệp nhưng chưa được đầu tư, không có phát sinh nước thải.

- Về các làng nghề: Qua rà soát các làng nghề trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2024, toàn tỉnh có 09 làng nghề được UBND tỉnh công nhận làng nghề, 02 làng nghề truyền thống với các loại hình sản xuất như làm hương, rèn, giấy bản, đường phen, ngói, nón lá, miến dong, trồng cây đào cảnh. Trong quá trình thẩm tra để công nhận làng nghề, các sở ngành liên quan đã khảo sát thực địa và kết luận: Nguồn phát thải tại các làng nghề với quy mô nhỏ, không có hóa chất độc hại; có các biện pháp bảo vệ môi trường đã đề xuất trong Phương án bảo vệ môi trường làng nghề; có hạ tầng về bảo vệ môi trường làng nghề, hệ thống thu gom nước thải, nước mưa bảo đảm nhu cầu tiêu thoát nước của làng nghề, không để xảy ra hiện tượng tắc nghẽn, tù đọng nước thải và ngập úng; quy trình sản xuất đảm bảo chấp hành đầy đủ các quy định, chính sách của nhà nước và vệ sinh môi trường làng nghề. Trong năm, chưa phát hiện làng nghề vi phạm về môi trường.

3.1.2. Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom, nước thải nông thôn được thu gom, xử lý tập trung đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Nước thải đô thị: Lưu lượng nước thải sinh hoạt đô thị phát sinh trên địa bàn tỉnh ước tính khoảng 7.877.973 m³/năm, tương đương khoảng 21.583,49 m³/ngày đêm. Trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, đã đầu tư 02 hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại thị trấn Thanh Nhật, huyện Hạ Lang với công suất 140 m³/ngày đêm và thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An với công suất 200m³/ngày đêm, tuy nhiên 02 hệ thống đã dừng hoạt động. Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng được các hộ gia đình tự xử lý bằng các bể tự hoại hoặc thải trực tiếp cùng với hệ thống thoát nước mưa ra ngoài môi trường.

- Nước thải nông thôn: Chưa được thu gom, xử lý tập trung. Toàn bộ lượng

nước thải sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng được các hộ gia đình tự xử lý bằng các bể tự hoại hoặc thải trực tiếp ra ngoài môi trường.

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường: Tỉnh Cao Bằng có tổng số 22 cơ sở thuộc danh mục, trong đó tập trung lớn nhất là sản xuất gang, thép, luyện kim gồm 09 cơ sở; Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp gồm 08 cơ sở, còn lại là các lĩnh vực khác (sản xuất pin, ắc quy 01 cơ sở; Sản xuất tinh bột sắn 02 cơ sở; Sản xuất đường từ mía 01 cơ sở; chế biến thủy, hải sản 01 cơ sở).

3.1.3. Tỷ lệ các cơ sở sản xuất, kinh doanh có trạm quan trắc tự động, liên tục, truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định

Trên địa bàn tỉnh có 04 cơ sở thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định. Hiện nay, tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh đã truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường là 75% (03/04 cơ sở), còn 01 cơ sở đang tiếp tục hoàn thiện.

3.1.4. Số liệu các nguồn ô nhiễm

Các đô thị, khu dân cư tập trung; các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung; các CCN; các làng nghề; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trên địa bàn; các nguồn ô nhiễm khác... Tổng hợp số liệu các nguồn ô nhiễm chi tiết tại Phụ lục I kèm theo.

3.2. Quản lý chất thải và phế liệu

3.2.1. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH)

- Chất thải rắn sinh hoạt: Từ kết quả tổng hợp báo cáo huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, tổng khối lượng CTRSH phát sinh khoảng 133.876 tấn/năm, trong đó: Khối lượng phát sinh khu vực đô thị khoảng 49.590,61 tấn/năm; Khối lượng phát sinh khu vực nông thôn khoảng 84.285,22 tấn/năm. Khối lượng CTRSH được thu gom, xử lý khoảng 73.528,94 tấn/năm (tỷ lệ xử lý đạt 54,92%). Khối lượng CTRSH đô thị được thu gom, vận chuyển và xử lý 45.901,07 tấn/năm (đạt 92,56%); Khối lượng CTRSH nông thôn được thu gom, vận chuyển và xử lý 27.471,04 tấn/năm (đạt 32,59%);

- Các cơ sở xử lý CTRSH: Hiện nay trên địa bàn tỉnh Cao Bằng 16 vị trí xử lý rác thải sinh hoạt, trong đó có 09/16 vị trí xử lý rác thải được xây dựng theo quy trình đốt, chôn lấp hợp vệ sinh và có hệ thống xử lý nước rỉ rác (07 cơ sở đang vận hành; 02 cơ sở đang xây dựng); 07 bãi chôn lấp không hợp vệ sinh.

- Các khu xử lý CTR tập trung trên địa bàn: Không có.

3.2.2. Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT)

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Theo số liệu báo cáo của 257 cơ sở thì khối lượng CTRCNTT phát sinh khoảng 5.473.315,95 tấn/năm; khối

lượng CTRCNTT được thu gom để tái sử dụng, tái chế khoảng 272.276,28 tấn (chiếm 4,97%); khối lượng CTRCNTT còn lại khoảng 5.201.039,67 tấn, phần lớn được tập kết tại bãi thải của cơ sở (chủ yếu của mỏ khai thác khoáng sản, đường giao thông).

- Các cơ sở xử lý CTRCNTT: Hiện tại trên địa bàn tỉnh Cao Bằng chưa có cơ sở xử lý CTRCNTT.

- Các khu xử lý CTR tập trung trên địa bàn: Không có.

3.2.3. Quản lý chất thải nguy hại (CTNH)

Tổng khối lượng CTNH phát sinh: Theo số liệu báo cáo của 257 cơ sở sản xuất, kinh doanh, y tế ... trên địa bàn tỉnh Cao Bằng thì tổng khối lượng CTNH phát sinh khoảng 192.638,78kg. Trong đó, khối lượng đã xử lý là 171.983,75 kg (đạt 89,28%); số còn lại được lưu giữ trong kho chứa của các cơ sở.

- Đối với chất thải y tế nguy hại: Tổng số chất thải y tế nguy hại phát sinh tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh (gồm cả công lập và tư nhân) là 66.606,4kg (tương đương 66,6 tấn/năm), khối lượng CTNH y tế được các cơ sở tự xử lý bằng lò đốt, xử lý theo mô hình cụm là 66.355,4kg (tương đương 66,35 tấn, chiếm 99,62%), số còn lại lưu giữ trong kho chứa để chuyển giao cho đơn vị đủ năng lực.

- Các cơ sở xử lý CTNH: Tỉnh Cao Bằng không có cơ sở xử lý chất thải nguy hại. Cơ sở khám chữa bệnh công lập được trang bị lò đốt chất thải y tế tại cơ sở. Việc xử lý chất thải y tế trên địa bàn tỉnh Cao Bằng thực hiện theo mô hình cụm theo quy định tại Quyết định số 35/2024/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 của UBND tỉnh Cao Bằng. Hiện nay, có 16 cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập (bệnh viện/trung tâm y tế cấp tỉnh và cấp huyện) được trang bị lò đốt có thể xử lý phần lớn số chất thải nguy hại, chất thải lây nhiễm phát sinh. Tuy nhiên, tính đến thời điểm báo cáo chỉ còn 08/16 lò đốt đang hoạt động; 08 lò đốt bị hỏng, không hoạt động. Các đơn vị bị hỏng lò đốt phải vận chuyển chất thải y tế nguy hại đến xử lý tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh lân cận.

3.2.4. Quản lý phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất

Năm 2024, trên địa bàn tỉnh Cao Bằng không phát sinh phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.

3.2.5. Tổng hợp số liệu về công tác quản lý chất thải và phế liệu

Công tác quản lý chất thải được tổng hợp tại Phụ lục II kèm theo báo cáo.

3.3. Quản lý, cải thiện chất lượng môi trường nước (lưu vực sông, nước mặt, nước biển,...); Quản lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đất; Quản lý, cải thiện chất lượng không khí

- Quản lý, cải thiện chất lượng môi trường nước (lưu vực sông, nước mặt,...): Tỉnh Cao Bằng chưa triển khai xây dựng Kế hoạch quản lý môi trường nước

mặt đối với sông suối nội tỉnh. Thông qua kết quả quan trắc tự động, quan trắc môi trường định kỳ hàng năm, chất lượng môi trường nước mặt trên địa bàn tỉnh còn khá tốt, trong năm 2024 không có trường hợp xảy ra hiện tượng ô nhiễm nguồn nước mặt trên địa bàn tỉnh.

- Quản lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đất: Trên địa bàn tỉnh không phát sinh thêm các điểm ô nhiễm môi trường đất. Đối với điểm ô nhiễm môi trường đất do hoá chất bảo vệ thực vật tồn lưu tại khu vực Tổ 9, phường Tân Giang, thành phố Cao Bằng. Năm 2024, Tỉnh tiếp tục bố trí kinh phí để xây dựng nhiệm vụ tổ chức điều tra, đánh giá sơ bộ, đánh giá chi tiết và xử lý khu vực bị ô nhiễm môi trường đất. Tuy nhiên, ngày 06/7/2023, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư số 04/2023/TT-BTNMT quy định ngưng hiệu lực thi hành khoản 1 Điều 7 và khoản 2 Điều 75 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 nên hiện nay Tỉnh chưa có cơ sở (mẫu hướng dẫn chi tiết) để thực hiện nhiệm vụ điều tra đánh giá sơ bộ chất lượng môi trường đất.

- Quản lý, cải thiện chất lượng không khí: Tỉnh Cao Bằng tạm thời dừng việc tham mưu xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí. Hiện tại, tỉnh đã thực hiện việc quan trắc môi trường không khí tự nhiên, vận hành 02 trạm quan trắc tự động môi trường không khí, chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh còn khá tốt.

- Số lượng các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản đã thực hiện ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường: Trong năm 2024, có 38 mỏ đang hoạt động khai thác khoáng sản và phải thực hiện nghĩa vụ nộp tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường.

- Tỷ lệ các khu vực môi trường bị ô nhiễm được xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường: Không có khu vực ô nhiễm phát sinh, được xử lý, phục hồi.

- Số liệu về tình hình phát sinh, thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn: Được cập nhập tại Phụ lục III kèm theo Báo cáo. Theo đánh giá năm 2024, tỷ lệ nước thải được thu gom, xử lý đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh: 0%. Trên địa bàn tỉnh chưa có đô thị nào thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đạt yêu cầu bảo vệ môi trường.

3.4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Các hoạt động phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: Công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường nhất là đối với các dự án, nguồn thải lớn, có nguy cơ gây sự cố môi trường được tỉnh quan tâm, chú trọng.

Trong năm 2024, để phòng ngừa ảnh hưởng của cơn bão số 3, UBND tỉnh Cao Bằng đã ban hành Công điện số 06/CD-UBND ngày 04/9/2024 về việc triển khai ứng phó với cơn bão số 3; Quyết định số 1157/QĐUBND ngày 09/9/2024 công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai (do ảnh hưởng bão số 3 và mưa lũ sau bão) trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Công văn số 3342/STNMT-QLMT ngày 05/9/2024 về việc tăng cường công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường đối với cơn bão số 3 (tên quốc tế

YAGI); Công văn số 3568/STNMT-QLMT ngày 20/9/2024 về việc thực hiện các giải pháp phòng chống, ứng phó tính huống khẩn cấp về thiên tai, sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Công văn số 3670/STNMT-QLMT ngày 30/9/2024 về việc thực hiện các giải pháp phòng chống, ứng phó sự cố môi trường khi trời mưa lớn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Yêu cầu các Chủ đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh: Thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin dự báo thời tiết, thực hiện tự rà soát, kiểm tra, xây dựng phương án sản xuất kinh doanh phù hợp để kịp chủ động ứng phó mưa lớn, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, không để xảy ra sự cố môi trường gây thiệt hại về người và tài sản; chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện cứu hộ, cứu nạn, tổ chức sơ tán người và tài sản tại các khu vực nguy hiểm đến nơi an toàn để ứng phó kịp thời khi xảy ra sự cố. Trường hợp, vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo UBND cấp xã nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện để phối hợp ứng phó. Thường xuyên kiểm tra, rà soát lại các công trình xử lý, bảo vệ môi trường tại cơ sở (các bãi thải, các hồ chứa nước, bùn thải và các công trình bảo vệ môi trường khác đối với các dự án khai thác khoáng sản; công trình, hệ thống xử lý nước thải, khu vực lưu giữ chất thải rắn đối với các dự án khác); trên cơ sở kết quả kiểm tra, rà soát thực hiện các giải pháp gia cố, cải tạo, nâng cấp để đưa về trạng thái an toàn đối với các công trình có nguy cơ mất an toàn, dễ xảy ra sự cố nhằm đảm bảo không sạt lở gây ra các sự cố môi trường. Triển khai, thực hiện nghiêm túc Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường của đơn vị đã ban hành.

- Kết quả xây dựng năng lực phòng ngừa, cảnh báo nguy cơ sự cố môi trường:

- + Chỉ đạo Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Cao Bằng: Chủ động theo dõi chặt chẽ, tăng cường bản tin dự báo, cảnh báo, thông tin kịp thời về diễn biến của mưa lũ, nguy cơ lũ quét, sạt lở đất đến Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, Thành phố, cơ quan liên quan và người dân biết chủ động triển khai các biện pháp phòng ngừa, ứng phó tác động, ảnh hưởng của cơn Bão số 3.

- + Phối hợp với Cục Địa chất Việt Nam thực hiện Đề án Chính phủ "Cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét khu vực miền núi, trung du Việt Nam".

- Kết quả thực hiện các hoạt động ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường (số lượng các sự cố xảy ra trong năm và việc ứng phó, xử lý): Trong năm 2024, tỉnh Cao Bằng không xảy ra các sự cố môi trường.

- Kết quả xử lý các thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức và cá nhân về ô nhiễm môi trường trên địa bàn: Trong năm 2024, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiếp nhận và xử lý 06 đơn kiến nghị, phản ánh liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường, trong đó: 01 đơn kiến nghị, 01 thông tin phản ánh qua đường dây nóng, 03 thông tin phản ánh qua trang điện tử, 01 phản ánh bằng báo cáo. Cụ thể: Đã giải quyết 01 đơn kiến nghị của bà con nhân dân xã Bạch Đằng về tình trạng hoạt động chăn nuôi lợn xả trực tiếp ra sông gây ô nhiễm môi trường; 01 thông tin phản ánh qua đường dây nóng của người dân xóm Nam Phong III

về tình trạng vận chuyển cát, sỏi gây ô nhiễm môi trường; 01 thông tin phản ánh trên báo Lao động điện tử về hoạt động sản xuất bê tông thương phẩm, bê tông nhựa nóng gây ô nhiễm môi trường; 01 thông tin phản ánh trên báo Lao động điện tử về hiện tượng nước đục tại xã Phan Thanh, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng làm ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân; 01 thông tin phản ánh trên báo Lao động điện tử về tình trạng vận chuyển đất, đá thải trong quá trình thực hiện dự án xây dựng Bệnh viện Y học cổ truyền làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh; 01 phản ánh qua báo cáo của UBND huyện Nguyên Bình về hoạt động của Nhà máy chế biến quặng chì - kẽm, xóm Lũng Cam, xã Phan Thanh, huyện Nguyên Bình làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

3.5. Kết quả về việc di dời dân cư sinh sống trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp (nếu có); lộ trình chuyển đổi các làng nghề thành cụm công nghiệp, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường.

Trên địa bàn tỉnh, không thực hiện việc di dời dân cư sinh sống trong khu vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp; không có lộ trình chuyển đổi các làng nghề thành cụm công nghiệp, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 52 Luật BVMT

3.6. Bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, đa dạng sinh học

3.6.1. Triển khai Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học

Theo Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thì Phương án bảo tồn đa dạng sinh học, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, khu bảo tồn thiên nhiên được xác định, như sau:

- Tập trung bảo vệ thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học kết hợp với sử dụng bền vững, phát huy giá trị Vườn Quốc gia Phja Oắc - Phja Đén, Khu bảo tồn loài - sinh cảnh vượn Cao Vít Trùng Khánh và các khu bảo vệ cảnh quan: Khu bảo vệ cảnh quan Pác Bó; Khu bảo vệ cảnh quan Lăng Đồn - Thạch An; Khu bảo vệ cảnh quan Bản Giốc (Thác Bản Giốc, Động Ngườm Ngao); Khu bảo vệ cảnh quan Lam Sơn; Khu bảo vệ cảnh quan Trần Hưng Đạo.

- Thành lập mới Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Thang Hen - Trà Lĩnh; Khu cảnh quan sinh thái quan trọng tại các huyện Trùng Khánh, Hạ Lang, Hà Quảng, Hòa An, thành phố Cao Bằng, Quảng Hòa, Thạch An, Nguyên Bình (nằm trong diện tích Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng); Khu vực đa dạng sinh học cao: Nguyên Bình - Cao Bằng, Ba Bể - Bắc Kạn trên địa bàn các huyện Bảo Lâm, Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng và Pác Nặm, Ba Bể, Chợ Đồn, Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Bảo tồn và phục hồi các loài hoang dã nguy cấp, đặc biệt là các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, loài di cư; tăng cường công tác bảo tồn nguồn gen, quản lý tiếp cận nguồn gen, chia sẻ lợi ích và bảo vệ tri thức truyền thống về nguồn gen; đánh giá, phát huy lợi

ích của đa dạng sinh học phục vụ phát triển bền vững. Kiểm soát tốt các hoạt động gây tác động tiêu cực đến đa dạng sinh học.

Trong thời gian tới, Tỉnh sẽ bám sát quy hoạch đã được phê duyệt thực hiện nhiệm vụ nêu trên.

3.6.2. Phát triển, mở rộng hệ thống di sản thiên nhiên, khu bảo tồn thiên nhiên và các danh hiệu quốc tế về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

- Thực hiện đề xuất mở rộng Khu bảo tồn loài sinh cảnh Vượn cao vút huyện Trùng Khánh vào quy hoạch lâm nghiệp tỉnh Cao Bằng từ 2.607,8 ha lên 6.047,7 ha. Tuy nhiên tại Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã quy hoạch diện tích Khu bảo tồn loài sinh cảnh Vượn cao vút huyện Trùng Khánh giai đoạn 2021-2030 là 9.574 ha.

- Khu Di tích văn hóa lịch sử Núi Lăng Đồn, huyện Thạch An có diện tích 758,1 ha (theo Quyết định số 415/QĐ-UBND, ngày 31/3/2015 của UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Cao Bằng) tại Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã quy hoạch tăng diện tích là 1.149 ha.

- Công viên địa chất toàn cầu (CVĐCTC) UNESCO Non nước Cao Bằng: Từ năm 2015, CVĐC Non nước Cao Bằng được thành lập theo Quyết định số 2498/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc thành lập CVĐC Cao Bằng thuộc phạm vi gồm 9 huyện (Hà Quảng, Hòa An, Nguyên Bình, Trà Lĩnh, Quảng Uyên, Trùng Khánh, Hạ Lang, Phục Hòa và Thạch An) với diện tích 3.072 km². Đến nay, qua quá trình quản lý, khai thác xây dựng và phát triển, diện tích CVĐC toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng đã được mở rộng, với tổng diện tích là 3.683 km² (*Văn bản số SC/EES/EGR/22/VNM, ngày 23/3/2022 của Phòng CVĐC và Khoa học Trái đất của Hội đồng CVĐC toàn cầu UNESCO thông báo chấp thuận hồ sơ xin mở rộng diện tích của CVĐC toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng (Việt Nam) thêm 293,6km² lên 3.683km²*) nằm trên địa giới hành chính của 7 huyện và 1 Thành phố, gồm: thành phố Cao Bằng, các huyện Quảng Hòa, Trùng Khánh, Hạ Lang và một phần các huyện Hà Quảng, Hòa An, Nguyên Bình và Thạch An. Có trên 130 điểm di sản địa chất độc đáo minh chứng cho lịch sử phát triển địa chất phức tạp, kéo dài đến hơn 500 triệu năm ở vùng đất CVĐC Non nước Cao Bằng.

3.6.3. Tăng cường công tác bảo tồn loài hoang dã nguy cấp, nguy hiểm

Thực hiện Chỉ thị số 04/CT-TTg, ngày 17/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để bảo tồn các loài chim hoang dã, chim di cư tại Việt Nam; Công văn số 1916/UBND-CN, ngày 26 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 04/CT-TTg, ngày 17/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ gửi các sở, ban, ngành,

huyện, thành phố về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để bảo tồn các loài chim hoang dã, di cư. Trong năm 2024, đã phát hiện và xử lý 04 vụ vi phạm quy định về vận chuyển lâm sản trái pháp luật, 03 vụ tàng trữ, mua bán, chế biến lâm sản trái pháp luật; tịch thu 01 cá thể chim Điều hâu, 1.157 cá thể Chim Chào mào, 07 cá thể chim Sâu, 03 cá thể chim Sẻ, 82 cá thể chim Hoạ mi, 01 cá thể Khướu bạc má (*đã thả về tự nhiên*).

Năm 2024, đã tiếp nhận, giải quyết 12 hồ sơ đề nghị cấp mã số cơ sở nuôi động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Các loài gây nuôi gồm Cây vôi mốc, Cây vôi hương, Ba ba gai, Rắn hổ mang thường, Rùa câm, Tắc kè hoa, Gà Lôi trắng thuộc loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục CITES được quy định tại Nghị định số 06/2019/NĐ-CP, ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (*sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ*). Ngoài ra trên địa bàn tỉnh còn nuôi các loài động vật rừng thông thường: Dúi Má đào, Nhím, Chim chào mào, Don, Dúi, Dúi mốc nhỏ.

- Đối với công tác Bảo tồn Vượn cao vút và sinh cảnh sống của chúng được quan tâm thực hiện. Trong năm 2024, Sở đã phối hợp với tổ chức Bảo tồn động thực vật hoang dã quốc tế (FFI) thực hiện các hoạt động khoan nuôi, xúc tiến tái sinh tự nhiên; trồng bổ sung làm giàu rừng; thực hiện hỗ trợ phát triển sinh kế cho cộng đồng người dân vùng đệm tại 3 xã Ngọc Côn, Ngọc Khê và Phong Nặm, huyện Trùng Khánh với tổng số tiền 321 triệu đồng; thực hiện hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng người dân địa phương, thông qua các hoạt động lắp đặt 21 bảng biển nội quy tuyên truyền tại các Nhà văn hoá cộng đồng các xóm trên địa bàn 3 xã thuộc khu bảo tồn; phát 2.000 tờ lịch treo tường và 100 quyển lịch đặt bàn gắn hình ảnh, nội dung tuyên truyền về loài Vượn cao vút, về động vật hoang dã cho cộng đồng dân cư, hộ gia đình thuộc 03 xã Ngọc côn, Ngọc Khê và Phong Nặm; tổ chức tuyên truyền lưu động về bảo vệ Vượn cao vút, bảo vệ động vật hoang dã tại 03 xã khu bảo tồn; thường xuyên tuần tra kiểm soát nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật trong Khu bảo tồn.

3.6.4. Phục hồi phát triển hệ sinh thái tự nhiên

Thường xuyên chỉ đạo các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố thực hiện nghiêm túc, triển khai hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên, quản lý chặt chẽ việc đóng cửa rừng tự nhiên, phục hồi và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên để bảo tồn đa dạng sinh học; thực hiện đúng quy hoạch, quản lý và khai thác, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên rừng hiện có; quản lý chặt chẽ việc chấp hành quy định pháp luật của các cơ sở chế biến gỗ, xử lý nghiêm các cơ sở vi phạm. Trong năm 2024 đã xử lý 204 vụ vi

phạm Luật lâm nghiệp (*Xử phạt hành chính 196 vụ, xử lý hình sự 08 vụ*). Tổng số tiền phạt và bán lâm sản bị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước là 1.466.962.000 đồng.

- Thực hiện kế hoạch Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2024 diện tích rừng được hỗ trợ bảo vệ là rừng đặc dụng theo Quyết định 24/2012/QĐ-TTg, ngày 01/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ (*bao gồm Vườn quốc gia Phia Oắc - Phia Đén và Khu bảo tồn loài sinh cảnh Vườn Cao Vít huyện Trùng Khánh*) là 12.518,5 ha.

- Số liệu về bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, đa dạng sinh học tại Phụ lục IV kèm theo.

IV. XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT, GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, GIÁM SÁT, KIỂM TRA, THANH TRA, XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO VỀ MÔI TRƯỜNG TUYÊN TRUYỀN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

4.1. Xây dựng chính sách, pháp luật, hướng dẫn tổ chức thực hiện

- Các văn bản pháp luật: Trong năm 2024, tỉnh Cao Bằng đã ban hành 01 văn bản quy phạm pháp luật; 01 Kế hoạch về công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, cụ thể: Quyết định số 35/2024/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 của UBND tỉnh Cao Bằng về ban hành Quy định thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Kế hoạch số 364-KH/TU ngày 29/8/2024 của Tỉnh uỷ Cao Bằng về thực hiện Kết luận số 81-KL/TW, ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khoá XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Các văn bản ban hành trong năm 2024 đối với lĩnh vực môi trường: 933 văn bản, báo cáo.

- Công tác hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy hoạch về môi trường của quốc gia trên địa bàn: Năm 2024, Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức công bố Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. UBND tỉnh Cao Bằng đã giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp các bên liên quan (*gồm: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch*) tham dự Hội nghị. Thực hiện lấy ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan đối với dự thảo Kế hoạch thực hiện Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050.

- Đánh giá chung công tác xây dựng và thực thi các văn bản pháp luật do địa phương ban hành, những tồn tại, nguyên nhân khách quan/chủ quan trong việc thực thi pháp luật: Công tác xây dựng và thực thi các văn bản pháp luật do tỉnh ban hành đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

4.2. Giải quyết thủ tục hành chính

4.2.1 Thủ tục Báo cáo đánh giá tác động môi trường

Tổng số hồ sơ giải quyết trong năm 2024 là 22 hồ sơ, trong đó tiếp nhận năm 2024 là 16 hồ sơ, chuyển tiếp từ năm 2023 sang là 06 hồ sơ; đã phê duyệt 16 hồ sơ; 02 hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; 04 hồ sơ đang giải quyết.

4.2.2. Thủ tục Giấy phép môi trường

Tổng số hồ sơ giải quyết toàn tỉnh là 56 hồ sơ, trong đó: **(1) Cấp tỉnh:** Tổng số hồ sơ giải quyết trong năm 2024 là 47 hồ sơ, trong đó tiếp nhận năm 2024 là 41 hồ sơ, chuyển tiếp từ năm 2023 sang là 06 hồ sơ. Số lượng Giấy phép môi trường đã được cấp 21; hồ sơ đang giải quyết là 08; hồ sơ không thuộc đối tượng, không đủ điều kiện giải quyết là 18; **(2) Cấp huyện:** 09 hồ sơ.

4.2.3. Thủ tục phí nước thải công nghiệp: Toàn tỉnh là 50 hồ sơ.

Chi tiết hồ sơ về môi trường đã phê duyệt và xác nhận trong năm tại Phụ lục V kèm theo Báo cáo.

- Đánh giá những tồn tại, nguyên nhân khách quan/chủ quan trong giải quyết các thủ tục hành chính: Việc giải quyết thủ tục hành chính về môi trường tính "ngày", không tính "ngày làm việc", không đồng bộ với các ngành khác, quá trình giải quyết hồ sơ cần phối hợp với nhiều ngành nên một số hồ sơ nộp vào cuối tuần, dịp lễ, tết thường bị chậm. Việc thành lập Hội đồng, Tổ, Đoàn là tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nên phải được Sở Nội vụ thẩm định (trong vòng 05 ngày làm việc) trước khi trình UBND tỉnh ban hành. Đó đó, việc thành lập các Tổ thẩm định, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường mất nhiều thời gian, mà nội dung này không có trong quy trình giải quyết hồ sơ dẫn đến thời gian giải quyết hồ sơ dễ bị chậm.

4.3. Giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường

- *Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính:* Trong năm 2024, toàn tỉnh đã thực hiện thanh tra, kiểm tra lĩnh vực môi trường đối với 21 đơn vị, xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền là 1.463,155 triệu đồng. Trong đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành thanh tra, kiểm tra 07 cuộc đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Qua thanh tra, kiểm tra phát hiện một số hành vi vi phạm hành chính cụ thể như sau: Không lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm; Nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường không đúng thời hạn quy định; Gây ô nhiễm đất, nước bên ngoài khuôn viên của cơ sở vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đất, nước xung quanh; Vận hành sản xuất mà không có Giấy phép môi trường. Theo đó, đã tiến hành xử phạt vi phạm hành chính đối với 7 tổ chức, cá nhân có vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường với tổng số tiền xử phạt là 581,159 triệu đồng.

- *Công tác phòng, chống tội phạm vi phạm pháp luật về môi trường trong hoạt động quản lý, bảo vệ động vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ:*

+ Xử lý hành chính: 04 vụ (10 cá nhân, trong đó có 04 cá nhân bị xử phạt VPHC trong vụ án hình sự) về các hành vi săn bắt, mua bán, vận chuyển động vật hoang dã trái pháp luật; tổng số tiền xử phạt: 587.500.000 đồng.

+ Xử lý hình sự: 15 vụ (30 bị can) vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm.

Tang vật thu giữ: 75 các cá thể chim Cuốc biển; 496 cá thể Rùa; 21 cá thể Tê Tê java; 190kg vảy Tê Tê java; 5,4kg sừng Tê giác trắng; 6,5 kg ngà Voi; 01 cá thể rắn Hồ chúa; 26,3kg Cá ngựa khô; 542 cá thể chim Chào mào; 15 cá thể chim Hoạ mi; 01 cá thể Hươu xạ ...

- *Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm vi phạm pháp luật về môi trường trong hoạt động bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên và phòng, chống nhập khẩu, phát tán các loài ngoại lai xâm hại:*

+ Xử lý hành chính: 21 vụ (27 cá nhân) về các hành vi mua bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật và sử dụng công cụ kích điện để khai thác thủy sản; tổng số tiền xử phạt: 203.750.000 đồng. Tang vật thu giữ: 9,304 m³ gỗ tròn loài thông thường, 08 ster thực vật rừng gỗ loài thông thường dạng củi, 13 ắc quy, 13 kích điện, 01 dây điện.

+ Xử lý hình sự: 09 vụ (20 bị can) hủy hoại rừng và vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

Tang vật thu giữ và xử lý: 47,689 m³ gỗ tròn loài thông thường; 12 ster thực vật rừng gỗ loài thông thường dạng củi; 186kg than hoa; 05 ắc quy; 05 kích điện; 01 cửa máy; diện tích thiệt hại: 4.907,25m² rừng sản xuất....

- *Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường trong lĩnh vực tài nguyên khoáng sản và tài nguyên nước:*

+ Xử lý hành chính: 06 vụ (06 cá nhân, 02 tổ chức) vi phạm về mua bán, khai thác khoáng sản trái pháp luật và 01 vụ (01 tổ chức, mở khai thác cát sỏi đồi) vi phạm về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vượt quá quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; tổng số tiền xử phạt: 510.000.000 đồng.

+ Xử lý hình sự: 01 vụ (02 bị can) về tội tàng trữ, sử dụng trái phép chất độc (Xyanua), có liên quan đến hoạt động khai thác vàng.

Tang vật thu giữ và xử lý: 73,62m³ cát; 258,35m³ đá; 19.069kg quặng kim loại nguyên khai; bán hoá giá tang vật: 35.732.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

4.4. Tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường

Công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường đã được triển khai sâu, rộng với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, ý nghĩa, thiết thực, thu hút được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia và mang lại hiệu quả cao trong việc nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo tồn đa dạng sinh học. Một số Cơ quan, đơn vị có

kết quả nổi bật như sau:

- *Sở Tài nguyên và Môi trường*: Phối hợp với UBND huyện Nguyên Bình tiếp tục triển khai Mô hình phân loại, thu gom, xử lý rác thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng; tổ chức được 24 lớp với 1.389 lượt người là cán bộ, công chức tại UBND cấp xã, hội viên của các tổ chức chính trị - xã hội, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, cộng đồng dân cư. Nội dung tập huấn về hướng dẫn kỹ thuật phân loại, thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt; phối hợp Hội liên hiệp Khoa học kỹ thuật tỉnh Cao Bằng tổ chức thực hiện phản biện xã hội việc thực hiện Đề án phân loại, xử lý, tái chế tập trung và phân tán trên địa bàn tỉnh.

- *Ban Dân tộc*: Giai đoạn 2023 - 2024, đã tổ chức 84 Hội nghị tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS theo Quyết định số 1719/QĐ- TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ với 6.804 lượt đại biểu tham gia; xây dựng 02 banner, 68 chuyên mục, 5 chuyên trang trên Báo Cao Bằng; phát hành 80 chuyên mục phát thanh, 80 chuyên mục truyền hình trên Đài phát thanh - Truyền hình Cao Bằng; 71 tin, 99 bài, 318 ảnh, 4 video trên Báo Dân tộc và Phát triển; Tuyên truyền trên sóng Đài tiếng nói Việt Nam, trên sóng VOV1, VOV2 với 05 bài viết, phóng sự, phản ánh về tình hình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- *Sở Giáo dục và Đào tạo*: Tổ chức tuyên truyền cho học sinh, học viên, sinh viên thông qua các hoạt động giáo dục chính khóa (nội dung giáo dục địa phương, môn Địa lí, Sinh học...), lồng ghép vào một số môn học có liên quan và qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt dưới cờ, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp... Nhiệm vụ tuyên truyền, tập huấn tích hợp giáo dục bảo vệ và an toàn vệ sinh môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho giáo viên, học sinh các cấp: Các đơn vị tổ chức tuyên truyền cho hơn 8.038 lượt cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và hơn 96.431 lượt học sinh, học viên và sinh viên các nội dung về bảo vệ môi trường; phát động thu gom, xử lý được hơn 44.380 kg rác thải; 04 dự án dự thi nghiên cứu liên quan đến môi trường, phân loại, xử lý rác thải trong cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học cấp tỉnh.

- *Công an tỉnh Cao Bằng*: Tổ chức 350 lớp tuyên truyền, phổ biến kiến thức, giáo dục pháp luật về PCCC và CNCH với 40.562 lượt người tham gia, phát 19.433 tờ rơi; đăng tải 565 chuyên mục, tin, bài, phóng sự tuyên truyền và công tác PCCC và cứu nạn, cứu hộ, công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm về môi trường, công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng công an... Lực lượng cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Công an các đơn vị tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với 28 vụ việc (13 vụ cháy, 09 vụ đuối nước; 06 sự cố do thiên tai) với trên 5.500 lượt phương tiện và 17.000 lượt cán bộ, chiến sĩ, tìm kiếm được 68 thi thể, cứu được 19 người bị thương (trong đó, 59 thi thể trong các vụ sự cố thiên tai, 09 thi thể trong các vụ đuối nước); phát động

hiều hoạt động tình nguyện với trên 1.000 lượt cán bộ, chiến sĩ phối hợp với chính quyền địa phương, các lực lượng chức năng tham gia giúp đỡ Nhân dân khắc phục hậu quả thiên tai, cháy nổ. Chỉ đạo Công an các đơn vị rà soát, hỗ trợ nhân dân xây dựng nhà bằng nguồn vốn của Bộ Công an. Đến ngày 18/12/2024, đã có 34 hộ dân xây dựng xong nhà (đạt tỷ lệ 50,7% gồm 09 nhà trong đợt bão số 02 và 25 nhà trong đợt bão số 3), 30 hộ dân đang tiến hành xây dựng (đạt tỷ lệ 44,7 % gồm 01 nhà trong đợt bão số 02, 29 nhà trong đợt bão số 3), 03 hộ dân (đạt tỷ lệ 4,4%) đang tiếp tục chuẩn bị các điều kiện để xây nhà.

- *Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*: Tổ chức 03 lớp tập huấn tuyên truyền về công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Cao Bằng với 91 học viên tham dự, trong đó: 01 lớp tập huấn kiến thức cho đội ngũ giảng viên cấp tỉnh (TOT) về Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, lồng ghép nội dung về giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong trường học và Người cao tuổi; 02 lớp tập huấn kiến thức cho đội ngũ cán bộ tập huấn viên cấp huyện, xã về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, địa điểm tại thành phố Cao Bằng; phối hợp Ban Đại diện Hội Người cao tuổi tỉnh Cao Bằng tổ chức thực hiện 03 hội nghị tuyên truyền, tập huấn cho cán bộ, hội viên Người cao tuổi về công tác phòng, chống thiên tai tại các huyện Bảo Lâm, Bảo Lạc và huyện Trùng Khánh với 240 đại biểu.

V. HỆ THỐNG QUAN TRẮC VÀ CẢNH BÁO VỀ MÔI TRƯỜNG

5.1. Hệ thống quan trắc tự động, liên tục

5.1.1. Trạm quan trắc chất lượng môi trường không khí tự động, liên tục

Trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đã lắp đặt, đưa vào vận hành 02 trạm quan trắc môi trường không khí tự động, liên tục cụ thể:

- *Trạm quan trắc chất lượng không khí tự động tại phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng*: Loại trạm: Trạm cố định và thời gian bắt đầu vận hành từ năm 2019, hiện nay trạm vẫn đang hoạt động ổn định.

- *Trạm quan trắc chất lượng không khí tự động phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng*: Loại trạm: Trạm cố định và thời gian bắt đầu vận hành từ năm 2021, hiện nay trạm vẫn đang hoạt động ổn định.

5.1.2. Trạm quan trắc chất lượng môi trường nước mặt tự động, liên tục

Trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đã lắp đặt, đưa vào vận hành 02 trạm quan trắc môi trường nước mặt tự động, liên tục cụ thể:

- *Trạm quan trắc chất lượng nước mặt tự động liên tục sông Bằng Giang, xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng*: Loại trạm: Trạm cố định và thời gian bắt đầu vận hành từ năm 2019, hiện nay trạm vẫn đang hoạt động ổn định.

- *Trạm quan trắc chất lượng nước mặt tự động liên tục sông Bằng Giang, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng*: Loại trạm: Trạm cố định và thời gian bắt đầu vận hành từ năm 2021, hiện nay trạm vẫn đang hoạt động ổn định.

Chi tiết hiện trạng các trạm quan trắc môi trường trên địa bàn tại Phụ lục VII kèm theo.

5.2. Hệ thống các điểm quan trắc định kỳ

Thực hiện theo Quyết định số 87/QĐ-UBND về việc phê duyệt Mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Cao Bằng giai đoạn năm 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030. Năm 2024, đã thực hiện quan trắc chất lượng môi trường tỉnh Cao Bằng, vận hành các trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục theo Mạng lưới được phê duyệt với 06 đợt quan trắc môi trường không khí, tiếng ồn, độ rung tại 60 điểm với 360 mẫu quan trắc; hiện 06 đợt quan trắc môi trường nước mặt tại 57 điểm (trong đó có 44 điểm quan trắc nước sông, suối, khe và 13 vị trí quan trắc nước hồ) với 342 mẫu quan trắc; 04 đợt quan trắc môi trường nước dưới đất tại 15 điểm với 60 mẫu quan trắc; 02 đợt quan trắc môi trường đất tại 20 điểm với 40 mẫu quan trắc trên địa bàn 10 huyện, thành phố.

VI. ĐIỀU KIỆN VÀ NGUỒN LỰC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

6.1. Nguồn nhân lực

Số lượng cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn là 257 người, trong đó: Cấp tỉnh là 70 người; cấp huyện là 12 người; cấp xã là 175 người.

- Trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bảo vệ môi trường cụ thể như sau: Trình độ Thạc sĩ là 26 người; trình độ Đại học là 209 người; trình độ dưới Đại học là 22 người.

6.2. Nguồn lực tài chính

- Căn cứ các văn bản chỉ đạo, quy định hiện hành về chi công tác bảo vệ môi trường, tỉnh Cao Bằng đã phân bổ kinh phí sự nghiệp để các cơ quan, đơn vị chủ động thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường năm 2024 theo quy định, với số kinh phí là 101.730.000 nghìn đồng.

- Bố trí nguồn vốn:

(1) Dự án Xử lý rác thải ô nhiễm nghiêm trọng và xây dựng bãi rác mới tại xóm Nà Bao, xã Minh Tâm, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Tổng mức đầu tư là 15 tỷ đồng; Thời gian thực hiện: 2022 - 2024. Kế hoạch vốn hằng năm đã bố trí: 14.999,6 triệu đồng (trong đó bố trí năm 2022 là 13.900 triệu đồng; năm 2023 là 1.099,6 triệu đồng). Năm 2024 dự án đã được điều chỉnh tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND của HĐND tỉnh ngày 18/4/2024 về Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Xử lý nước thải ô nhiễm nghiêm trọng và xây dựng bãi rác mới tại xóm Nà Bao, xã Minh Tâm, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng tại kỳ họp thứ 18 (chuyên đề).

(2) Dự án Xử lý, nâng cấp và cải tạo bãi rác thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng: Tổng mức đầu tư: 10 tỷ đồng; Thời gian thực hiện dự án: 2022 - 2024. Bố trí vốn năm 2022 là 0,3 tỷ đồng; Năm 2023, bố trí đủ

vốn cho là 9,7 tỷ đồng.

(3) Về triển khai nội dung Xây dựng, nâng cấp hệ thống xử lý chất thải y tế của các dự án đơn vị trực thuộc Sở Y tế: Dự án xử lý chất thải y tế của các dự án đơn vị trực thuộc sở Y tế tỉnh Cao Bằng được Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2190/QĐ-UBND, ngày 18/11/2021, với tổng mức đầu tư: 40 tỷ đồng, thời gian thực hiện dự án giai đoạn 2023 - 2025; Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Năm 2024, dự án được giao vốn tại Quyết định số 1768/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND tỉnh Cao Bằng về giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công năm 2024, trong đó dự án được giao là 10 tỷ đồng.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ VỀ MÔI TRƯỜNG

7.1. Tổng hợp, báo cáo các chỉ tiêu thống kê môi trường quốc gia trong danh mục các chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê

Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê số 01/2021/QH15 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022), thì nhóm chỉ tiêu về Bảo vệ môi trường (tại Mục 21 của Phụ lục ban hành kèm theo Luật) có 11 chỉ tiêu (từ số thứ tự 220 - 230), các chỉ tiêu và kết quả đạt được cụ thể như sau:

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 54,56 %.

- Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại: Trên địa bàn tỉnh xảy ra 17 đợt thiên tai (trong đó: 01 đợt rét đậm, rét hại; 05 đợt lốc, sét, mưa đá; 11 đợt mưa lớn, lũ, ngập lụt, sạt lở đất), gây thiệt hại về người và tài sản của nhà nước và nhân dân với tổng giá trị ước tính trên 1.100 tỷ đồng. Trong đó: Thiệt hại về người là tổng số 59 người chết, 3 người mất tích, 24 người bị thương (con bão số 3 làm chết 55 người, mất tích 03 người, bị thương 19 người); thiệt hại về nhà ở: 14.737 nhà ở bị ảnh hưởng, hư hỏng do lốc, mưa đá, sạt lở đất; thiệt hại về nông, lâm nghiệp là 4.828,355ha; chăn nuôi là 8.361 con gia súc, gia cầm bị chết; diện tích nuôi trồng thủy sản có 18,483ha nuôi cá ao, hồ nhỏ bị tràn bờ, 40 lồng bè nuôi cá bị hư hỏng, cuốn trôi; 12 ao nuôi thủy sản tập trung bị cuốn trôi (02 lượt). Các tuyến đường giao thông trên địa bàn tỉnh bị sạt lở nhiều điểm, nhiều tuyến với số lượng lớn; nhiều công trình bị thiệt hại (159 công trình thủy lợi, 97 điểm trường, 50 công trình nhà văn hoá, 09 cơ sở y tế ...).

- Số khu và diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên: Số lượng và diện tích các khu di sản thiên nhiên, các khu bảo tồn thiên nhiên, vùng đất ngập nước quan trọng... của tỉnh Cao Bằng năm 2024 gồm có 08 khu trong đó có 04 khu di tích văn hoá lịch sử, 03 khu bảo tồn thiên nhiên và 01 khu bảo tồn loài sinh cảnh với tổng diện tích 17.622,9 ha.

- Diện tích đất bị thoái hoá: Chưa có số liệu thống kê.

- Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý thu gom, xử lý khoảng 89,28% (số còn lại được lưu giữ trong kho chứa của các cơ sở).
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý khoảng 92,56%;
- Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường: Khu công nghiệp chưa có các cơ sở đi vào hoạt động.
- Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường: 0%.
- Lượng phát thải khí nhà kính bình quân đầu người: Chưa có số liệu thống kê.
- Tỷ lệ ngày trong năm có nồng độ bụi PM_{2,5} và PM₁₀ trong môi trường không khí vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép tại các đô thị từ loại IV trở lên: Không có.

7.2. Tổng hợp, báo cáo bộ chỉ tiêu thống kê môi trường của ngành tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành

Theo Thông tư số 22/2023/TT-BTNMT ngày 15/12/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê và chế độ báo cáo thống kê ngành tài nguyên và môi trường (có hiệu lực thi hành từ ngày 30/01/2024) thì bộ chỉ tiêu thống kê môi trường ban hành kèm theo Thông tư tại Phụ lục I gồm các chỉ tiêu sau:

- Mã 0401: Tỷ lệ cơ sở, khu sản xuất kinh doanh dịch vụ tập trung lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương theo quy định 66,67%.
- Mã 0402: Tỷ lệ cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương theo quy định 100%.
- Mã 0403: Tỷ lệ các cơ sở, hộ gia đình sản xuất thuộc ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề được di dời, chuyển đổi ngành, nghề sản xuất theo quy định: Không có.
- Mã 0404: Tỷ lệ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được cấp chứng nhận quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001: Không có.
- Mã 0405: Tỷ lệ khu, bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường: 56,25%.
- Mã 0406: Giá trị trung bình năm của các thông số đặc trưng trong môi trường nước mặt:
 - + Ao hồ: pH dao động từ 7,21 đến 8,05, DO dao động từ 5,33 mg/l đến 6,16 mg/l, COD dao động từ 9,47 mg/l đến 26,49 mg/l, BOD₅ dao động từ

4,01mg/l - 14,82mg/l, N-NH_4^+ giao động từ 0,06 mg/l đến 0,621 mg/l.

+ Sông suối: pH giao động từ 7,11 - 8,01, DO giao động từ 5,48mg/l - 7mg/l, COD giao động từ 9,23mg/l - 46,75mg/l, BOD_5 giao động từ 4,06mg/l - 9,81mg/l; tổng coliform giao động từ 45 - 5400 MPN/100ml.

- Mã 0407: Giá trị trung bình năm của các thông số đặc trưng trong môi trường nước dưới đất: pH dao động từ 6,63 đến 7,56, TDS dao động từ 126,6 mg/l đến 343,9 mg/l, Permanganat dao động từ 1,18 mg/l đến 1,49 mg/l, N-NH_4^+ < 0,06mg/l, N-NO_3^- dao động từ 0,776 mg/l đến 1,467 mg/l, Fe < 0,08mg/l, As KPH.

- Mã 0409: Giá trị trung bình năm của các thông số đặc trưng trong trầm tích đáy tại các sông, hồ, ven biển: Chưa thực hiện quan trắc.

- Mã 0410: Giá trị trung bình năm của các thông số đặc trưng trong môi trường không khí: TSP từ <30 $\mu\text{g}/\text{m}^3$ đến 119,97 $\mu\text{g}/\text{m}^3$, bụi PM_{10} giao động từ < 6 $\mu\text{g}/\text{m}^3$ đến 22,13 $\mu\text{g}/\text{m}^3$.

- Mã 0412: Tỷ lệ số khu vực ô nhiễm môi trường đất được xử lý, cải tạo và phục hồi theo quy định: Chưa phát hiện khu vực ô nhiễm.

- Mã 0413: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý khoảng 54,92% (trong đó: khu vực đô thị khoảng 92,56%; khu vực nông thôn khoảng 32,59%).

- Mã 0414: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp khoảng 90%.

- Mã 0415: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được tái chế, tái sử dụng; đốt; đốt thu hồi năng lượng khoảng 10%.

- Mã 0416: Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý khoảng 89,28%.

- Mã 0417: Số khu và diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên: Số lượng và diện tích các khu di sản thiên nhiên, các khu bảo tồn thiên nhiên, vùng đất ngập nước quan trọng... của tỉnh Cao Bằng năm 2024 gồm có 08 khu trong đó có 04 khu di tích văn hoá lịch sử, 03 khu bảo tồn thiên nhiên và 01 khu bảo tồn loài sinh cảnh với tổng diện tích 17.622,9 ha.

- Mã 0418: Số loài trong Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ được cập nhật:

+ 01 loài là Vượn đen tuyền đông bắc Vượn cao vút tên khoa học là *Nomascus nasutus* nằm trong danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (tại danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên 2 bảo vệ kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP, ngày 16/7/2019 của Chính phủ) hiện đang được bảo tồn tại Khu bảo tồn loài sinh cảnh Vượn Cao Vút, huyện Trùng Khánh. Theo kết quả tổng điều tra năm 2021, Vượn cao vút hiện có 17 đàn với khoảng 79-95 cá thể.

+ Cây Bách vàng tên khoa học là *Xanthocyparis vietnamensis* nằm trong

danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (tại danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP, ngày 16/7/2019 của Chính phủ) được Trung tâm Khoa học lâm nghiệp đông bắc bộ thuộc Viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam nghiên cứu phương pháp nhân giống và đưa vào trồng mô hình được 2,5 ha tại Vườn quốc gia Phia Oắc - Phia Đén.

- Mã 0419: Số loài trong Danh mục loài ngoại lai xâm hại được cập nhật: Không có.

7.3. Tổng hợp các chỉ tiêu trong bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường của địa phương theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá kết quả công tác bảo vệ môi trường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

Ngày 10/02/2025, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định số 383/QĐ-BTNMT về Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Quyết định này thay thế Quyết định số 2782/QĐ-TTg ngày 31/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, năm 2024. Hiện nay, UBND tỉnh đang triển khai thực hiện đánh giá (*gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 10 tháng 3 theo quy định*), đối với nội dung này UBND tỉnh Cao Bằng sẽ có báo cáo riêng.

VIII. ĐÁNH GIÁ CHUNG

8.1. Tổng kết, đánh giá chung về chất lượng môi trường trên địa bàn

Năm 2024, tỉnh Cao Bằng thực hiện quan trắc môi trường theo Mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030 tại phê duyệt tại Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 02/02/2023). Qua kết quả quan trắc, phân tích môi trường định kỳ và các quan trắc tự động, liên tục cho thấy: Chỉ số chất lượng môi trường không khí AQI_VN tất cả các ngày trong năm 2024 tương đối tốt. Từ kết quả tính toán giá trị AQI theo ngày và theo giờ đối với 333/366 ngày có dữ liệu hợp lệ tại Trạm quan trắc chất lượng không khí tự động, liên tục phường Sông Hiến, cho thấy: Số ngày chất lượng không khí ở mức tốt là 290/333 ngày, chiếm 87,09% và mức trung bình là 43/333 ngày, chiếm 12,91%. Từ kết quả tính toán giá trị AQI theo ngày và theo giờ đối với 348/366 ngày có dữ liệu hợp lệ tại Trạm quan trắc chất lượng không khí tự động, liên tục phường Đề Thám cho thấy: Số ngày chất lượng không khí ở mức tốt là 348/348 chiếm 100%. Trong năm 2024 tại cả 02 trạm quan trắc đều không có ngày nào chỉ số AQI ở mức kém, xấu, rất xấu và nguy hại. So sánh với kết quả năm 2023, năm 2024 chỉ số chất lượng không khí mức tốt chiếm tỷ lệ lớn hơn ở cả 2 trạm.

Từ các số liệu hợp lệ thu được, các thông số quan trắc tại 02 trạm hầu hết có giá trị trung bình năm 2024 đều ở mức phân loại A - Chất lượng nước tốt,

mức phân loại B - Chất lượng nước trung bình, chỉ có thông số COD có giá trị trung bình nằm ở mức phân loại C - Chất lượng nước xấu.

Đối với nước dưới đất, ngoài thông số pH có 02 mẫu có giá trị nằm ngoài khoảng GHCP của QCVN thì các thông số còn lại đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN.

Đối với môi trường đất, các vị trí quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN.

Với các giá trị quan trắc thu được, cho thấy diễn biến chất lượng môi trường đất, không khí, nước mặt, nước dưới đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh khá ổn định, không có hiện tượng bất thường.

Những nguyên nhân, nguồn tác động chính ảnh hưởng đến chất lượng môi trường:

- Nguy cơ ô nhiễm môi trường nước mặt, nước dưới đất từ nước thải sinh hoạt của các khu vực đô thị, khu dân cư tập trung chưa được thu gom, xử lý đổ trực tiếp ra hệ thống ao, hồ, sông suối trên địa bàn tỉnh.

- Nguy cơ gây ô nhiễm môi trường không khí do bụi, khói ... từ hoạt động vận chuyển chất thải xây dựng, đất, đá thải từ các dự án đang triển khai xây dựng cơ bản.

- Nguy cơ ô nhiễm môi trường môi trường đất, nước tại các khu vực bãi chôn lấp chất thải rác sinh hoạt không hợp vệ sinh trên địa bàn tỉnh.

Nhìn chung các nguồn gây tác động chính ảnh hưởng, gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ở mức độ quy mô nhỏ, chỉ mang tính chất cục bộ và ảnh hưởng đến một số khu vực nhất định, các nguồn ô nhiễm đang dần được quản lý, kiểm soát chặt chẽ.

8.2. Tổng hợp, đánh giá chung về những kết quả đạt được trong công tác bảo vệ môi trường

8.2.1. Đánh giá chung

Năm 2024, công tác bảo vệ môi trường được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo; ý thức trách nhiệm phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức được nâng lên. Công tác bảo vệ môi trường được đẩy mạnh, phát hiện và xử lý kịp thời các cơ sở có dấu hiệu ô nhiễm; công tác thẩm định hồ sơ môi trường được nâng cao, đảm bảo chặt chẽ đúng quy định; Công tác thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được tăng cường nên mức độ gia tăng các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường dần được hạn chế. Thực hiện Đề án phân loại, xử lý, tái chế chất thải tập trung và phân tán trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; thực hiện quan trắc chất lượng các thành môi trường định kỳ đảm bảo đầy đủ theo kế hoạch đề ra và đảm bảo vận hành các trạm quan trắc tự động; Công tác phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương được chặt chẽ hơn; phong trào quần chúng nhân dân bảo vệ môi trường được phát động, triển khai

rộng khắp, có sự lan tỏa; hình thức tuyên truyền nâng cao nhận thức đa dạng, phong phú thông qua các lớp tập huấn, mô hình phân loại rác; công tác vệ sinh môi trường tại đô thị, nông thôn trở nên xanh, sạch, đẹp hơn.

Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, bảo vệ các hệ sinh thái rừng tự nhiên đã được thực hiện có hiệu quả góp phần duy trì ổn định diện tích rừng hiện có, từng bước nâng cao trữ lượng rừng, tỉ lệ che phủ rừng. Hạn chế thiệt hại do thiên tai và biến đổi khí hậu gây ra. Các làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận hoạt động bình thường.

Các khu, điểm du lịch làm tốt công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải nên môi trường cơ bản sạch sẽ, hạn chế tối đa tình trạng ô nhiễm, gây mất mỹ quan khu vực. Thực hiện tốt công tác an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, tạo môi trường làm việc đảm bảo cho người lao động và chất lượng dịch vụ an toàn cho người sử dụng dịch vụ.

Các bệnh viện, trung tâm y tế có chức năng khám bệnh, chữa bệnh đều được đầu tư, xây dựng hệ thống xử lý chất thải rắn hoặc xử lý theo mô hình cụm, đầu tư hệ thống xử lý nước thải.

Các cơ sở thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc tự động về nước thải, khí thải đã hoàn thành việc truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường đạt tỷ lệ 75%, còn 01 cơ sở đang xem xét, thực hiện.

8.2.2. Tồn tại, bất cập, hạn chế

- Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng chưa hoàn thành xử lý ô nhiễm môi trường nghiêm trọng do quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý môi trường chưa ổn định, phải vận hành thử nghiệm lại; 01 cơ sở đã dừng hoạt động.

- Tại một số địa phương, hiệu lực công tác quản lý nhà nước về môi trường chưa cao, chưa đồng bộ dẫn đến một số cơ sở sản xuất kinh doanh chưa nghiêm túc thực hiện Luật Bảo vệ môi trường; một số cơ sở chưa chủ động báo cáo công tác bảo vệ môi trường. Một số bãi chôn lấp chất thải rắn trên địa bàn tỉnh hoạt động không đúng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn về bãi chôn lấp hợp vệ sinh; các hạng mục tại các bãi rác đã xuống cấp nên việc xử lý rác không đạt hiệu quả, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao.

- Hệ thống văn bản pháp luật về môi trường đã hoàn thiện nhưng quá trình triển khai còn gặp nhiều vướng mắc, nhất là việc xác định thủ tục môi trường của dự án. Để xác định được thủ tục môi trường của dự án, cơ sở cần liên quan đến nhiều thông tin về đất đai, rừng, yếu tố nhạy cảm, yếu tố đầu tư ... nên mất nhiều thời gian.

- Hiện nay, có 08 lò đốt rác tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bị hỏng, các đơn vị phải thu gom, vận chuyển rác thải đến các cơ sở y tế khác để xử lý gây rất nhiều khó khăn cho đơn vị khi quãng đường vận chuyển từ cơ sở đến

khu vực xử lý xa nên tốn kinh phí, khả năng xảy ra nguy cơ mất an toàn cao.

8.2.3. Nguyên nhân

- Do một số địa phương chưa chú trọng, chưa chủ động thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về môi trường; chưa quyết liệt trong việc xử lý các cơ sở làm không đúng, không đầy đủ theo các quy định.

- Trên địa bàn các đô thị và một số điểm dân cư nông thôn, khu vực dự kiến phát triển đô thị hiện tại chưa có hệ thống thoát nước thải, trạm xử lý nước thải mà trực tiếp thải ra môi trường sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại gây ảnh hưởng đến môi trường.

- Đa số các cơ sở ngành nghề nông thôn có quy mô nhỏ lẻ, chủ yếu là hộ gia đình do vậy việc đầu tư ứng dụng dây chuyền, máy móc thiết bị tiên tiến hiện đại là chưa có.

- Việc xử lý chất thải rắn và nước thải y tế tại một số đơn vị đôi khi chưa kịp thời do hệ thống xử lý chất thải rắn hoặc hệ thống xử lý nước thải tại đơn vị bị hỏng, chưa được sửa chữa kịp thời. Trường hợp hệ thống bị hỏng hóc nặng, cần nguồn kinh phí lớn để sửa chữa, gây khó khăn cho đơn vị.

- Năng lực cán bộ, công chức thực hiện công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh chưa đồng đều.

- Nguồn ngân sách tỉnh còn hạn chế, việc thực hiện các chương trình, dự án, đề án liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường chưa được triển khai kịp thời theo đúng tiến độ đề ra.

IX. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG THỜI GIAN TỚI

9.1. Mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong thời gian tới

- Phân đầu thực hiện hoàn thành chỉ tiêu về bảo vệ môi trường của tỉnh năm 2025: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt khu vực đô thị được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 92,6%; tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng hoàn thành xử lý đạt 100%.

- Tiếp tục triển khai các nội dung theo Đề án phân loại, xử lý, tái chế chất thải tập trung và phân tán trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; tiếp tục triển khai Kế hoạch triển khai Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đến toàn thể người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Tiếp tục tăng cường, đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, kiểm soát các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, tập trung vào các cơ sở thuộc danh mục nguy cơ ô nhiễm môi trường.

- Thực hiện quan trắc chất lượng môi trường tự nhiên năm 2025 trên địa bàn tỉnh theo Mạng lưới quan trắc đã được phê duyệt; Tổng hợp kết quả Quan trắc phân tích, lập báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 -

2025; tiếp tục theo dõi, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời các trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt và môi trường không khí.

- Chỉ đạo các Sở chuyên ngành nắm bắt, giải quyết kịp thời các nội dung liên quan về lĩnh vực môi trường đến việc triển khai Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng).

- Chỉ đạo tổ chức đánh giá tác động của biến đổi khí hậu, xây dựng các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu đối với các lĩnh vực, khu vực thuộc phạm vi quản lý; vận động các nguồn lực tài chính hợp pháp từ các tổ chức quốc tế để tăng cường năng lực trong cảnh báo sớm, ứng phó với biến đổi khí hậu. Theo dõi, đánh giá việc khai thác, sử dụng tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phòng, chống thiên tai trên địa bàn.

- Bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai thực hiện khẩn trương Dự án nâng cấp hệ thống xử lý chất thải y tế của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế được UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 2190/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 và Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

9.2. Giải pháp thời gian tới

Để giải quyết các vấn đề môi trường đặt ra đối với tỉnh Cao Bằng nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác bảo vệ môi trường, trong thời gian tới cần thực hiện một số giải pháp:

9.2.1. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật

- Tiếp tục rà soát, triển khai các nhiệm vụ trong Kế hoạch triển khai Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án phân loại, xử lý, tái chế chất thải tập trung và phân tán trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; xây dựng, ban hành đơn giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

9.2.2. Kiện toàn tổ chức bộ máy; tăng cường năng lực về bảo vệ môi trường

Tiếp tục kiện toàn và tăng cường năng lực tổ chức bộ máy bảo đảm thực hiện hiệu quả công tác bảo vệ môi trường từ cấp tỉnh đến xã, phường, thị trấn; Trang bị đầy đủ trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, nhất là các thiết bị đo nhanh phục vụ công tác thanh, kiểm tra, phát hiện vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

9.2.3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường

- Tiếp tục, nâng cao chất lượng tổ chức tập huấn Luật Bảo vệ môi trường, Luật đa dạng sinh học và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật cho cán bộ làm

công tác môi trường ở các cấp, các tầng lớp nhân dân với các hình thức phù hợp, kết hợp đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn.

- Tăng cường phối hợp thực hiện Chương trình phối hợp, Nghị quyết liên tịch nhằm phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, hội, đoàn thể, cơ quan thông tin đại chúng trong tuyên truyền về bảo vệ môi trường; tăng cường, tạo điều kiện cho các đơn vị được tham gia thực hiện các hoạt động giám sát, phản biện xã hội đối với nhiệm vụ, kế hoạch, đề án, dự án.

- Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật: Tăng cường giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng trong nhân dân, nâng cao ý thức bảo vệ rừng của người dân, vận động các hộ gia đình sống trong và gần rừng ký cam kết bảo vệ rừng, xây dựng và thực hiện các quy ước bảo vệ rừng, thay đổi nhận thức, tập quán kinh doanh sản xuất lâm nghiệp.

9.2.4. Rà soát, kiểm soát các nguồn thải lớn; tăng cường các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; ứng dụng khoa học và công nghệ vào lĩnh vực môi trường

- Tiếp tục đơn đốc 01 cơ sở hoàn thành việc lắp đặt hệ thống quan trắc tự động liên tục (có camera theo dõi và thiết bị lấy mẫu tự động) và kết nối, truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Tập trung theo dõi, giám sát các đơn vị thuộc danh mục có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường như: Luyện thép, sản xuất Ferromangan; sản xuất mía đường, cơ sở chăn nuôi, cơ sở gia công chế biến gia súc, gia cầm, sản xuất tinh bột sắn, ốc quy, kịp thời phát hiện, thông báo, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về môi trường, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường.

- Xây dựng và triển khai các mô hình bảo vệ môi trường trong thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt khu dân cư tập trung..., hình thành và nhân rộng các mô hình tự quản ở địa phương nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở các cấp.

- Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tiên tiến vào bảo vệ môi trường nhằm sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, ưu tiên phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, giảm lượng chất thải phát sinh, giảm phát thải khí nhà kính; thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh; mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế về lĩnh vực môi trường, biến đổi khí hậu.

9.2.5. Huy động nguồn lực tài chính

- Tăng cường tài chính, đầu tư cho bảo vệ môi trường, huy động các nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường, trước mắt ưu tiên xử lý các điểm nóng có nguy cơ ô nhiễm môi trường; đầu tư hạ tầng bảo vệ môi trường như hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tập trung của các khu đô thị, hạ tầng bảo vệ môi trường các khu dân cư nông thôn gắn với nội dung yêu cầu đạt chuẩn nông thôn mới.

- Tăng cường khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ của các tổ chức phi chính phủ trong công tác bảo vệ môi trường và đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; có cơ chế khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ công tác bảo vệ môi trường, tập trung nghiên cứu và chuyển giao công nghệ xử lý chất thải, sản xuất sạch, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường, các mô hình phát triển kinh tế xanh.

X. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường quan tâm việc tăng cường nguồn lực quản lý, bảo vệ môi trường cho tỉnh Cao Bằng, cụ thể như:

- Hỗ trợ địa phương trong quá trình thực hiện công tác bảo vệ môi trường, kịp thời giải đáp các nội dung vướng mắc khi tỉnh đề xuất, kiến nghị.

- Thường xuyên tổ chức các hội nghị tập huấn, hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành.

(Số liệu, thông tin thu thập, tổng hợp gửi kèm theo phụ lục Báo cáo)

Trên đây là Báo cáo về kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024. Báo cáo này thay thế cho Báo cáo số 62/BC-UBND ngày 10/01/2025 của UBND tỉnh Cao Bằng đã ban hành.

Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng trân trọng kính gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Sở NN&MT;
- UBND cấp huyện;
- Lưu: VT, CN_(TH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Thạch